

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU
MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY
(COMECO)



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2015

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
	<i>Mục lục</i>	1
	<i>Thông điệp của Chủ tịch HĐQT</i>	2
Phần 1	THÔNG TIN CHUNG	3
I.	Thông tin khái quát về COMECO	3
II.	Quá trình hình thành và phát triển	4
III.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	8
IV.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	8
V.	Phương hướng, kế hoạch SXKD năm 2016 và tầm nhìn đến năm 2020	10
VI.	Các rủi ro	17
Phần 2	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015	19
I.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015	19
II.	Tổ chức nhân sự	20
III.	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	23
IV.	Tình hình tài chính	26
V.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	28
Phần 3	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	33
I.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	33
II.	Kế hoạch phát triển năm 2016	36
Phần 4	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	38
I.	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	38
II.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD, các cán bộ quản lý của Công ty	38
III.	Các kế hoạch và định hướng của HĐQT	39
Phần 5	QUẢN TRỊ CÔNG TY	40
I.	HĐQT	40
II.	BKS	47
III.	Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS và Ban TGD	50
IV.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS	50
Phần 6	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	56
I.	Quản lý và kiểm soát chất thải	56
II.	Kiểm soát môi trường làm việc	56
III.	Chăm sóc sức khỏe cho NLĐ	57
IV.	Kết quả thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội	58
V.	Phát triển nguồn nhân lực	58
Phần 7	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	61
	<i>Hệ thống Đại lý xăng dầu của COMECO</i>	

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2015 là một năm có ý nghĩa quan trọng đối với COMECO, đánh dấu chặng đường **40 năm hình thành và phát triển của Công ty (13/12/1975 – 13/12/2015) – 15 năm cổ phần hóa doanh nghiệp (13/12/2000 – 13/12/2015)**. 40 năm qua, COMECO đã hoạt động và phát triển vì lợi ích của cộng đồng, của người lao động và của cổ đông nên uy tín và thương hiệu COMECO ngày càng được khẳng định trên thương trường.

Năm 2015, nền kinh tế thế giới vẫn còn khó khăn, tình hình an ninh chính trị thế giới và khu vực bất ổn, giá xăng dầu diễn biến phức tạp. Đối với COMECO, tình hình kinh doanh có một số khó khăn khách quan tác động như: nhiều chính sách và luật mới được ban hành, nhiều chi phí tăng cao,... Bên cạnh đó, năm 2015 Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu đã chính thức được áp dụng, thị trường xăng dầu ngày càng cạnh tranh gay gắt, khốc liệt hơn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và của mỗi người lao động Công ty, COMECO đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2015, đặc biệt là chỉ tiêu về **lợi nhuận sau thuế đạt 100,001 tỷ đồng (333% so với kế hoạch năm 2015)** và mức chi **cổ tức năm 2015 là 50%/VĐL, mức cao nhất trong 15 năm cổ phần hóa doanh nghiệp**. Đồng thời, để ngày càng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã đầu tư cho hệ thống Chi nhánh như: nâng cấp khu vực rửa xe, cải tạo hệ thống nhà vệ sinh, trang bị hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO (bảng hiệu, hộp đèn,...) bằng chất liệu Alu để sử dụng lâu bền, đảm bảo tính thẩm mỹ.

Năm 2016 được dự báo tiếp tục là một năm nhiều biến động, khó khăn đối với ngành kinh doanh xăng dầu. Các tổ chức có uy tín trên thế giới đều đánh giá và nhận định xu thế giảm giá dầu sẽ còn tiếp tục diễn biến phức tạp. Do đó, Công ty đã tập trung công tác dự báo tình hình để chuẩn bị chu đáo các mặt chiến lược, quản trị doanh nghiệp, các nguồn lực và đặt ra các mục tiêu phù hợp để tiếp tục giữ vững sự phát triển ổn định của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn cho cổ đông, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động.

Năm 2016 là năm cuối của nhiệm kỳ HĐQT (2012 – 2016). COMECO mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông, sự tín nhiệm, hợp tác bền vững của khách hàng và đối tác, cùng với sự đoàn kết của toàn bộ tập thể lãnh đạo và người lao động COMECO để HĐQT Công ty hoàn thành tốt nhiệm kỳ 2012 – 2016, làm cơ sở để Công ty xây dựng chiến lược phát triển trong nhiệm kỳ HĐQT tới.

Kính thưa Quý cổ đông!

Sau một năm đầy thành công với những kết quả hết sức lạc quan, tôi xin cảm ơn sự nỗ lực vượt qua khó khăn của tất cả cán bộ và người lao động COMECO. Tôi xin gửi lời tri ân tới Quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã và đang đồng hành, chia sẻ và sát cánh cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua và chặng đường sắp tới.

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HĐQT

(đã ký)

Trương Đức Hạnh

Phần I THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO) MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY



- | | |
|--------------------------------|--|
| 1. Địa chỉ văn phòng | : 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh
(chuyển văn phòng từ ngày 02/4/2011) |
| Địa chỉ văn phòng cũ | : 11 Cao Bá Nhạ, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1,
Tp.Hồ Chí Minh |
| 2. Điện thoại | : (84-8) 38 321 111, 38 302 222, 38 303 222 |
| 3. Fax | : (84-8) 38 325 555 |
| 4. Email | : comecopetro@hcm.vnn.vn |
| 5. Website | : http://www.comeco.com.vn ; www.comeco.vn |
| 6. Giấy CNĐKKD số | : 0300450673, cấp ngày 13/12/2000 |
| 7. Vốn điều lệ | : 141.206.280.000 đồng |
| 8. Vốn chủ sở hữu (31/12/2014) | : 388.677.741.327 đồng |
| 9. Mã Chứng khoán | : COM |
| 10. Ngày niêm yết trên Hose | : 07/8/2006 |
| 11. Ngày thành lập Công ty | : 13/12/1975 (DNNN) |
| 12. Thời điểm cổ phần hóa | : 13/12/2000 |
| 13. Tên cũ (DNNN) | : Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO) |
| 14. Thương hiệu COMECO | : Đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993. |

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Ngày thành lập Công ty: 13/12/1975

Thời điểm CPH: 13/12/2000

2. Thời điểm niêm yết: 07/08/2006

3. Quá trình hình thành Công ty

Qua hơn 40 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau :

3.1. Phòng Quản lý Xăng dầu : Sau 30/4/1975, Sở GTVT Tp.Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.

3.2. Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu : Từ 08/1977 đến 12/1978

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.3. Xí nghiệp Cung ứng Vật tư : Từ 12/1978 đến 12/1981

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.4. Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu : Từ 12/1981 đến 10/1992

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.5. Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO): Từ 10/1992 đến 12/2000

(trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)

3.6. Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) : Từ 12/2000 đến nay

- Từ 01/2001 → 9/2004: COMECO trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Tp.Hồ Chí Minh.

- Từ 10/2004 → 02/2010: COMECO là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO).

Ngày 15/7/2004 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 172/2004/QĐ-UB thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) thí điểm hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, theo đó có 25 công ty trực thuộc Sở Giao thông Công chánh là công ty con và toàn bộ cơ cấu tổ chức của SAMCO trước đây trở thành công ty mẹ. Theo quyết định trên COMECO đã trở thành thành viên của SAMCO kể từ tháng 10/2004 đến tháng 2/2010. Vốn nhà nước do SAMCO nắm giữ vào thời điểm tháng 3/2010 là : 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL 79,999 tỷ đồng), đồng thời SAMCO còn mua thêm 503.060 cp (chiếm 6,29%/VĐL 79,999 tỷ đồng). Như vậy, SAMCO sở hữu cp COM tổng cộng là 1.600.000 cp (20% VĐL)

- Từ 3/2010 đến nay: COMECO trực thuộc Cơ quan Văn phòng Thành ủy Tp.HCM

Theo Quyết định của UBND Thành phố COMECO chuyển về Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) làm đại diện. Vốn của Saigon Petro tại COMECO gồm: vốn Nhà nước được chuyển từ SAMCO 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL) cộng với phần tự mua thêm, tổng cộng Saigon Petro nắm giữ 1.678.670 cp (chiếm 20,98%/VĐL). SAMCO giữ lại phần mua thêm 503.060 cp làm cổ đông chiến lược. Đến tháng 7/2011 SAMCO bán hết toàn bộ cp COM do SAMCO nắm giữ.

4. Những cột mốc quan trọng của COMECO

- Ngày 13/12/2015 : Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty và 15 năm cổ phần hóa.

- Ngày 28/4/2012 : ĐHĐCĐ kết thúc nhiệm kỳ III (2007 – 2011) và bước sang nhiệm kỳ mới mà hầu hết các thành viên HĐQT và BKS cũ là các cán bộ kiêm nhiệm của Công ty không còn tham gia vào HĐQT và BKS. Hai cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) sở hữu 4.281.950 cp (30,32%/VĐL) và Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu 3.750.200 cp (26,56%/VĐL) đã cử 4 thành viên tham gia vào HĐQT (2 người/1 đơn vị) và 2 thành viên tham gia vào BKS (1 người/1 đơn vị) nhiệm kỳ IV (2012 – 2016). Đồng thời ĐHĐCĐ đã phê chuẩn việc tách chức danh Chủ tịch HĐQT và TGD. Theo đó, Bà Trương Đức Hạnh tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012-2016), Ông Lê Tấn Thương được bổ nhiệm làm TGD điều hành của COMECO từ ngày 01/5/2012 với nhiệm kỳ 5 năm (01/5/2012 → 01/5/2017).

- Ngày 02/4/2011 : Chuyển trụ sở làm việc sang Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

- Ngày 13/12/2010 : Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, 10 năm cổ phần hóa với chủ đề : “35 năm - Vinh quang một chặng đường; 10 năm cổ phần hóa - Dấu ấn thành công”.

- Tháng 8/2010 : Lễ khánh thành Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

- Tháng 12/2009 : Nhận 2 Giấy chứng nhận : Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 do Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh cấp.

- Tháng 08/2008 : Ban hành Giá Trị Cốt Lõi của COMECO gồm 12 thành tố.

- Tháng 12/2007 : Nhận Giấy chứng nhận 5S do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp.

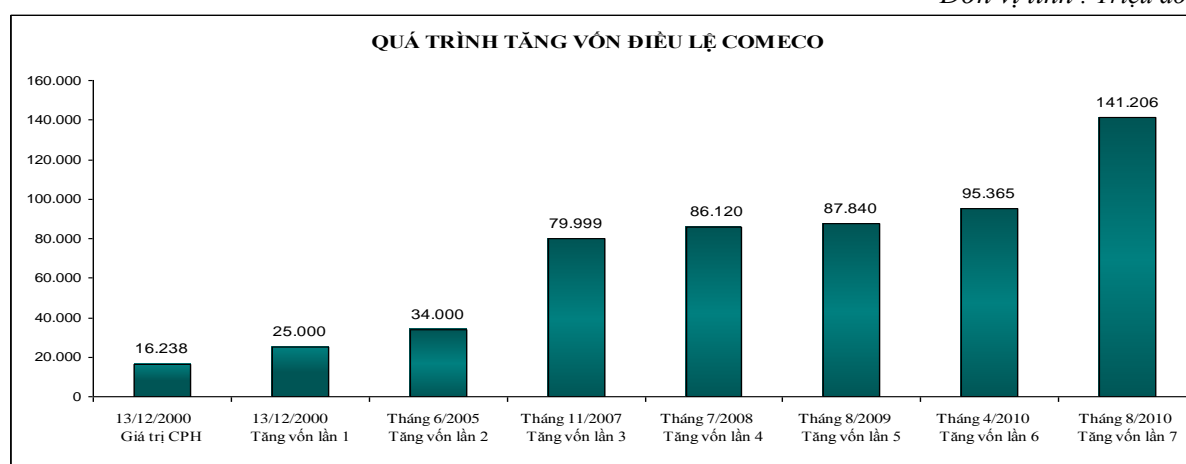
- Tháng 10/2004 : Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 do BVQI (Vương quốc Anh) cấp.

- Tháng 12/2000 : Cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Tháng 07/1988 : COMECO đã mạnh dạn đề xuất và được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh cho phép mở cửa các Cửa hàng xăng dầu COMECO để kinh doanh bán lẻ phục vụ nhân dân Thành phố và đã thu được những kết quả mang tính đột phá cho sự phát triển kinh doanh của Công ty theo cơ chế thị trường.

5. Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị tính : Triệu đồng



	Xếp hạng 686/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2011	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
2011	Bằng khen của Công đoàn Viên chức Việt Nam	Công đoàn Viên chức Việt Nam
	Được tuyên dương Top 100 “Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011”	Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và các bộ ngành liên quan
	Xếp hạng 219 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 540/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2009-2010	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Đảng bộ COMECO được tôn vinh là Đảng bộ tiêu biểu xuất sắc trong Chương trình tôn vinh lần thứ I năm 2011.	Ban Tổ chức và Ban Tuyên giáo Trung ương
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2010	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
2010	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2009	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Đảng bộ COMECO được tặng Cờ cho tổ chức Đảng cơ sở 5 năm trong sạch vững mạnh, tiêu biểu (2005 – 2009)	Thành ủy Thành phố
	Cờ và Bằng khen của UBND Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong 5 năm (2005 – 2010) về “Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc”	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Xếp hạng 205 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 563/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
2009	Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương (tổ chức tại Mexico)	Tổ chức Chất lượng Quốc tế (APQO)
	Bằng khen về thành tích trong lĩnh vực đo lường.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam
	Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển	Ban Tuyên giáo Trung ương
	Xếp hạng 161 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).	Trung tâm Thông tin Tín dụng – Ngân hàng NN VN
2008	Huân chương Độc lập hạng ba	Chủ tịch Nước
	Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững lần thứ I	Bộ Công thương
2007	Giải Vàng Chất lượng VN	Bộ Khoa học – Công nghệ

	Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ	Thủ tướng Chính phủ
	Giải thưởng Thương hiệu vàng, Slogan - Logo ấn tượng	Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu (VATAP)
	Giải thưởng Doanh nghiệp VN áp dụng thành công khoa học công nghệ (BUTEC)	Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
2002	Huân chương Lao động hạng nhất	Chủ tịch Nước
1998	Huân chương Lao động hạng hai	Chủ tịch Nước
1992	Huân chương Lao động hạng ba	Hội đồng Nhà nước

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng tạo điều kiện cho NLD tham gia các phong trào văn thể mỹ để nâng cao đời sống tinh thần cho NLD và đã đạt được các thứ hạng cao trong các hội thi như : Karaoke, Bóng đá, Tennis, Cầu lông, Bóng bàn, trò chơi vận động,....

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh chính

1.1. Kinh doanh xăng, dầu, nhớt chiếm: **99,29%** doanh thu toàn Công ty năm 2015

1.2. Cho thuê văn phòng, kho bãi chiếm: **0,56%** doanh thu toàn Công ty năm 2015

1.3. Kinh doanh khác chiếm: **0,15%** doanh thu toàn Công ty năm 2015

Gồm : - Kinh doanh thiết bị cho trạm xăng và vật tư, phương tiện GTVT.

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Xây dựng nhà các loại.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

2. Địa bàn kinh doanh : Thành phố Hồ Chí Minh (chủ yếu) và một số tỉnh lân cận : Long An, Bình Dương, Đồng Nai, Bến Tre, Lâm Đồng (xem Phụ lục : “*Hệ thống CNXD COMECO*” ở phần cuối báo cáo này).

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị và nguyên tắc hoạt động

- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ bầu HĐQT để lãnh đạo, bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị, điều hành Công ty.

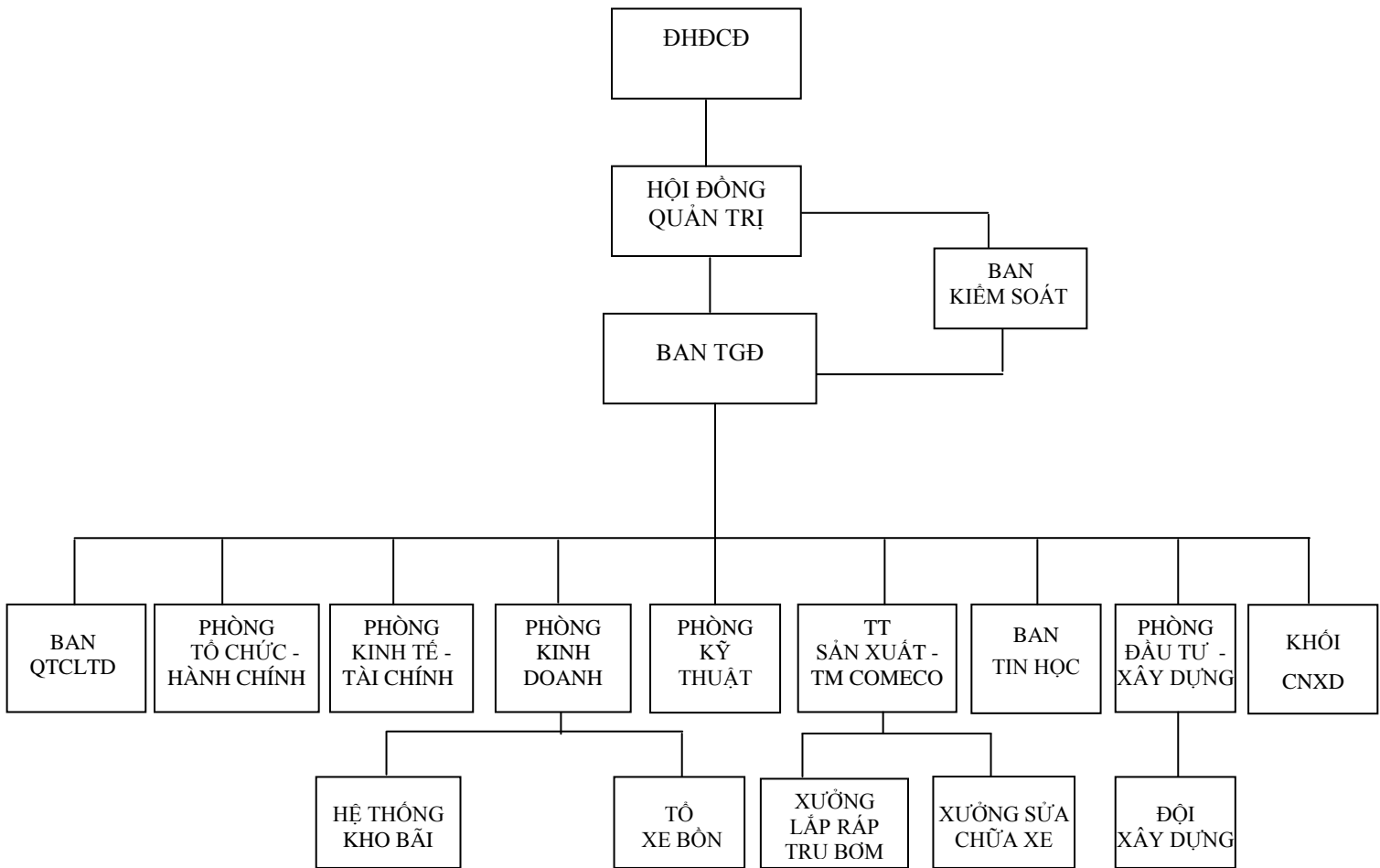
- Điều hành hoạt động của Công ty là Ban điều hành, trong đó đứng đầu là TGD (người đại diện theo Pháp luật).

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. TGD quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Giám đốc các bộ phận để giải quyết các công việc cụ thể.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Công đoàn và Đoàn Thanh niên.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



3. Các Công ty con, Công ty liên kết : không có

V. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2016 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

1. Phân tích môi trường kinh doanh :

SWOT

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
<ol style="list-style-type: none"> 1. COMECO có cơ sở vật chất kỹ thuật khá tốt với quỹ đất 270.688 m², tọa lạc ở những vị trí thuận lợi cho việc phát triển SXKD. Trong đó, có 37 Chi nhánh bán lẻ xăng dầu chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận. 2. Thương hiệu COMECO tương đối mạnh trong ngành kinh doanh bán lẻ xăng dầu. COMECO hiện đang đứng thứ 2 trong kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại thị trường Tp.Hồ Chí Minh sau Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex). 3. Mức tăng trưởng (LNTT) ổn định và khá cao, bình quân 22,86%/năm (2001-2015). 4. Đội ngũ NLĐ nhiệt tình, năng động và giàu kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh bán lẻ xăng dầu. 5. Chuẩn mực quản lý kinh doanh ngày càng hoàn thiện theo chí của các hệ thống quản lý tiên tiến trên thế giới; Văn hóa COMECO ngày càng phát triển; môi trường làm việc ngày càng tốt hơn. Khách hàng ngày càng tin tưởng về chất lượng dịch vụ. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chưa có Tổng kho nên chưa chủ động được nguồn hàng. KD chủ yếu là đơn ngành xăng dầu. 2. Phục vụ khách hàng chưa thật sự chuyên nghiệp. 3. Công tác cập nhật và xử lý thông tin đôi khi còn chậm 4. Công tác Marketing còn yếu. 5. Thông tin thị trường, đối thủ còn hạn chế
CƠ HỘI (O)	NGUY CƠ (T)
<ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực Châu Á Thái Bình Dương hiện nay và trong tương lai là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. 2. Tình hình chính trị trong nước ổn định; tốc độ phát triển của ngành dầu khí trong nước khá cao. 3. Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. 4. Tp Hồ Chí Minh có nền kinh tế năng động, các khu đô thị, khu CN phát triển nhanh. 5. Kinh doanh xăng dầu vẫn chưa mở cửa cho Công ty nước ngoài vào kinh doanh bán lẻ ở Việt Nam. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giá xăng dầu thế giới biến động liên tục và không ổn định. 2. Nhiều khả năng các doanh nghiệp nước ngoài (FDI) được phép kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam. 3. Hạn chế phát triển cửa hàng xăng dầu trong nội đô, các cửa hàng hiện hữu của Công ty phải điều chỉnh lại theo quy hoạch hoặc di dời. 4. Các sản phẩm thay thế xăng dầu (gas, LPG) ngày càng được phát triển. 5. Nhà nước triển khai Nghị định 83/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu, có nhiều loại hình thương nhân kinh doanh xăng dầu hơn; thị trường cạnh tranh khốc liệt hơn.

PHỐI HỢP SO = Phát huy điểm mạnh tận dụng cơ hội

(S1, S2, S3, S4,S5) + (O2, O4, O5) → **Chiến lược tăng trưởng tập trung**

(S1, S4, S5) + (O2, O3, O4) → **Chiến lược hội nhập**

PHỐI HỢP WO = Khắc phục điểm yếu để tận dụng cơ hội

(W1)+(O2,O4) → **Chiến lược hội nhập, chọn đối tác để liên kết HTKD, khai thác Tổng kho**

(W1,W2,W3) + (O3) → **Chiến lược hệ thống QTCLTD**

PHỐI HỢP ST = Phát huy điểm mạnh hạn chế nguy cơ, thách thức

(S1, S2, S4,S5) + (T1, T3, T4) → **Chiến lược đa dạng hóa SP**

(S1, S2,S4) + (T2,T4,T5) → **Chiến lược phát triển SP mới**

PHỐI HỢP WT = Khắc phục điểm yếu để hạn chế nguy cơ

(W2, W3, W5) + (T2,T4, T5) → **Chiến lược đầu tư**

(W2, W3,W4) + (T2, T4) → **Chiến lược nguồn nhân lực**

(W3,W4) + (T1,T4,T5) → **Chiến lược Marketing**

Từ việc phân tích SWOT trên Công ty đưa ra mục tiêu và chiến lược như sau:

2. Phương hướng, kế hoạch SXKD năm 2016 và tầm nhìn đến năm 2020

2.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu chiến lược của COMECO đến năm 2020: tập trung nguồn lực cho việc phát triển ngành kinh doanh xăng dầu, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh; phát triển nguồn nhân lực; phát triển Văn hóa, Thương hiệu COMECO; phấn đấu đưa COMECO trở thành: “**COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ**” và “**Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam** (trực chính là xăng dầu)”; bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Cổ đông và NLĐ; thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

2.2. Mục tiêu chủ yếu năm 2016

- Tiếp tục nâng cao thị phần kinh doanh bán lẻ xăng dầu; phát triển hệ thống nhượng quyền thương mại, đại lý bán lẻ xăng dầu.
- Đầu tư phát triển CNXD mới ở những vị trí chiến lược và những khu vực có tiềm năng phát triển cao.
- Đầu tư công nghệ sản xuất kinh doanh và quản lý theo hướng hiện đại.
- Tiếp tục duy trì và khai thác tốt hơn mảng dịch vụ kinh doanh đối với các mặt bằng hiện hữu, trong đó chú ý đến việc gia tăng tiện ích trong các mặt bằng kinh doanh xăng dầu.
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; quản lý an toàn tài chính, sử dụng vốn hiệu quả phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- Duy trì và cải tiến HTQLCLTD: ISO 14001:2004; OHSAS 18001:2007; công cụ 5S và 7 tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương. Bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Đồng thời trong năm 2016 Công ty sẽ tiến hành chuyển đổi hệ thống ISO 9001 phiên bản 2008 sang phiên bản 2015 nhằm nâng cao hơn nữa hiệu lực HTQLCLTD của Công ty.
- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường để tăng khả năng cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Đảm bảo việc làm và đời sống cho NLĐ. Đồng thời đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, cổ đông, đối tác và NLĐ.

3. Chiến lược phát triển trung, dài hạn và một số giải pháp

CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG	CÁCH THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG TẬP TRUNG	Nâng cao chất lượng dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa cung cấp ra thị trường. - Giao hàng kịp thời, đúng thời gian quy định. - Niêm yết giá bán công khai, rõ ràng. - Cung cấp và tư vấn thông tin về sản phẩm. - Khuyến mại đa dạng về hình thức, hấp dẫn về nội dung, phù hợp khả năng của Công ty và đáp ứng nhu cầu khách hàng. - Hồ sơ của khách hàng được giải quyết nhanh, chính xác. Thực hiện đúng Quy trình bán hàng, thể hiện sự thân thiện, nói lời “cảm ơn” sau khi bán. - Môi trường làm việc an toàn.

		<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hóa hình thức thanh toán. - Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các CNXD cho phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển các dịch vụ gia tăng trong khuôn viên CNXD,... - Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng. Tiếp tục đẩy mạnh chính sách bán hàng trả ngay, giảm dần bán hàng trả chậm.
	Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cấp cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư phát triển CNXD mới dưới nhiều hình thức như: mua, thuê đất xây dựng CNXD; mua hoặc thuê CNXD có sẵn, hợp tác kinh doanh CNXD. - Tiếp tục phát triển hệ thống đại lý, nhượng quyền thương mại; hợp tác kinh doanh.
	Bảo toàn và phát triển nguồn vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Huy động vốn hiệu quả. - Quản lý tốt tài chính, công nợ.
CHIẾN LƯỢC HỘI NHẬP	Chọn đối tác để liên kết, hợp tác kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn đối tác có năng lực, kinh nghiệm để hợp tác, liên kết phát triển kinh doanh, đầu tư vào một số lĩnh vực liên quan đến sản phẩm hóa dầu như: Dầu nhờn, gas, nhựa đường, ... bên cạnh xăng dầu. - Đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của khách hàng; có chính sách hỗ trợ đầu tư cho khách hàng.
	Marketing để phát triển thị trường	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng thị trường bán sỉ và bán lẻ xăng dầu tại thành phố, các tỉnh lân cận. - Tăng cường dịch vụ chăm sóc khách hàng.
CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI	Phát triển giá trị gia tăng cộng thêm cho khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì tốt dịch vụ tư vấn thiết kế, bảo trì, sửa chữa và cung cấp vật tư, phụ tùng trụ bơm, trụ bơm điện tử COMECO, rửa xe, thay nhớt, thẻ thanh toán,... - Khai thác dịch vụ tiện ích khác tại CNXD. - Khai thác hết công suất cho thuê văn phòng, HTKD kho bãi,...
	Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư thiết bị và công nghệ để chuẩn bị cho việc triển khai kinh doanh nhiên liệu sạch. Từng bước đầu tư máy móc, trang bị công nghệ cao để tăng cường công tác quản lý và phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo PCCC. - Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh. - Đầu tư thiết bị để đẩy mạnh việc bán hàng thanh toán qua thẻ. - Nghiên cứu sử dụng trụ bơm với các hình thức đa dạng hơn cho thích hợp với từng loại hình CNXD.
CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC	Huấn luyện, đào tạo để tạo sự khác biệt nhằm tăng tính cạnh tranh trong kinh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo tại chỗ để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. - Xây dựng một nền Văn hóa COMECO mạnh chính là sự khác biệt giữa COMECO với các đối thủ cạnh tranh và là chìa khóa cho sự thành công

	doanh	trong tương lai. - Hệ thống thu thập và xử lý thông tin từ khách hàng, nhà cung cấp, người lao động và các bên có liên quan.
	Lao động và tiền lương	- Thực hiện đầy đủ và có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ. - Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ NLD. - Cải tiến từng bước chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. - Duy trì tốt phong trào thi đua để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác. - Khen thưởng động viên kịp thời đồng thời nâng cao kỷ luật lao động.
CHIẾN LƯỢC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	Quản trị hệ thống chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, OHSAS, 5S và 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương	- Duy trì kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo hệ thống được vận hành thông suốt. - Thường xuyên cải tiến để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống.
	Quan tâm lợi ích của các bên liên quan	- Đối với khách hàng: Tạo cho khách hàng có cơ hội được phục vụ tốt; nhiều cơ hội lựa chọn sản phẩm, giá cả phù hợp, mua hàng thuận tiện, an tâm về số lượng, chất lượng. Đối với khách hàng chiến lược: đầu tư hỗ trợ khách hàng, chia sẻ khó khăn, lợi ích,.... - Đối với đối tác: duy trì mối quan hệ trên cơ sở bình đẳng, đôi bên cùng có lợi. - Nhà cung ứng: có cơ hội bán được nhiều hàng hơn, gia tăng thị phần, tăng khả năng cạnh tranh. Có cơ hội hợp tác và phát triển dịch vụ mới cùng COMECO. - Cổ đông: Vốn được bảo toàn và phát triển; tiền cổ tức hàng năm. - NLD: có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống được cải thiện, có cơ hội thăng tiến; được làm việc trong môi trường tốt, được quan tâm bảo vệ sức khỏe. - Cộng đồng dân cư, xã hội: Bảo vệ môi trường sống tốt hơn, làm tăng vẻ đẹp mỹ quan và văn minh đô thị, điều kiện về vật chất và tinh thần cho cộng đồng, làm công tác từ thiện, xã hội...

4. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng, NLD của Công ty

4.1. Bảo vệ môi trường

Một trong mười hai nội dung giá trị cốt lõi của COMECO là tiêu chí: Thái độ đối với cộng đồng xã hội. Nội dung của tiêu chí này là: “*Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng*”. Giá trị này được xuất phát từ cái tâm của các nhà quản trị và NLD Công ty hướng đến sự an toàn và phát triển bền vững. Điều đó được thể hiện qua các nội dung công việc cụ thể như sau:

- Đường ống xả dầu của các CNXD COMECO được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn an toàn, có bể thu gom chất thải xả dầu trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố đảm bảo môi trường đất, nước, không khí tại CNXD COMECO.

- Các CNXD của COMECO đều có cây xanh góp phần thực hiện phong trào “**Cửa hàng Xăng dầu COMECO: Xanh hơn – Đẹp hơn**” do Công ty phát động từ tháng 5/2011, đồng thời góp phần giảm bớt lượng khí phát thải ra môi trường.

- Tất cả các CNXD của COMECO đều được kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của Sở Tài Nguyên Môi Trường Tp.Hồ Chí Minh.

- Hàng năm các CNXD đều được Phân viện Bảo hộ Lao động phía Nam đo kiểm tra môi trường, kết quả các tiêu chí đều nằm trong giới hạn cho phép.

- COMECO có thủ tục về quản lý môi trường **Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001 : 2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001 : 2007**. Định kỳ hoặc đột xuất có kiểm tra đánh giá nội bộ.

- Bên cạnh đó, nhằm góp phần vào việc chống biến đổi khí hậu, toàn Công ty COMECO (Tòa nhà COMECO và hệ thống các CNXD) đã hưởng ứng **Giờ trái đất**, tắt bớt các thiết bị chiếu sáng, quảng cáo, sử dụng dần các thiết bị ít tiêu hao nhiên liệu, năng lượng và thân thiện với môi trường. Qua đó, NLD Công ty nâng cao được ý thức tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

4.2. Trách nhiệm đối với NLD

- COMECO luôn xem NLD là vốn quý nên NLD ngoài việc được hưởng đầy đủ các chế độ về lao động và tiền lương theo quy định của Nhà nước; Công ty còn có những đãi ngộ riêng theo Thỏa ước Lao động Tập thể; môi trường và điều kiện làm việc luôn được an toàn.

- Các chế độ đối với NLD được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về lao động và tiền lương. Ngoài ra, Công ty cũng ban hành các quy định, quy chế để bảo vệ lợi ích cho NLD như: Quy định đón tiếp nhân viên mới, Quy định trợ cấp thêm khi nghỉ hưu, Quy định về tổ chức sinh nhật cho NLD Công ty, Quy định chế độ đối với NLD đi thi hành nghĩa vụ quân sự, Quy định hoạt động của nhà ăn tập thể, Quy định chế độ cho NLD làm việc nơi xa, Quy chế đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho NLD Công ty, Quy chế thực hiện đối thoại định kỳ tại Công ty, Quy chế thực hiện dân chủ tại Công ty nhằm thực hiện các chế độ cho NLD một cách ổn định.

- Ngoài việc thực hiện các nội dung của Quy chế dân chủ, Công ty còn lập hòm thư nhằm tiếp nhận các phản ánh của NLD, đồng thời vào thứ hai tuần cuối hàng tháng TGD cũng sắp xếp lịch tiếp đối với NLD.

- Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với NLD đặc biệt đối với lao động nữ: ưu tiên cho lao động nữ không phải bán xăng dầu vào ban đêm; tổ chức các buổi Hội thảo, Hội thi cho nữ NLD Công ty chào mừng Ngày quốc tế Phụ nữ 08/03 và Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức nghỉ dưỡng hàng năm,... Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo điều kiện cho lao động nữ tham gia công tác quản lý. Tính đến 31/12/2015 có 08 lao động nữ từ trường phó đơn vị trở lên và có 08 lao động nữ được quy hoạch.

Đồng thời khuyến khích, động viên NLD tham gia học tập theo định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty; luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện:

“Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống”

4.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Cùng với việc phát triển kinh doanh, COMECO luôn xem việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chăm lo các gia đình chính sách và chia sẻ khó khăn với người nghèo, chia sẻ nỗi đau với các nạn nhân là trách nhiệm và lẽ sống của mình. Trong năm 2015, ngoài việc thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ hưu trí, Công ty còn làm tốt trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội như: thăm hỏi và tặng quà tết, ủng hộ giúp đỡ cho các trung tâm người già neo đơn, trẻ em tàn tật và người nghèo, học sinh nghèo hiếu học; xây nhà tình thương ở tỉnh Quảng Nam, Bến Tre, huyện Cần Giờ; ủng hộ giúp đỡ nạn nhân chất độc màu da cam Quận 3; đóng góp 1 ngày lương cho “Quỹ xã hội năm 2015”; ủng hộ 01 máy photocopy cho Trường Võ Thị Sáu (Côn Đảo); ủng hộ Quỹ vì người nghèo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Phường 10, Quận 3; ủng hộ Quỹ vì người nghèo của TPHCM; Quỹ vì người nghèo của Quận 3; Quỹ vì người nghèo của Phường 3, Quận 3 nhân dịp Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty,... với tổng số tiền **578.380.342 đồng**.

Những việc làm trên của Công ty là thái độ của COMECO đối với cộng đồng và xã hội được thể hiện trong Giá trị cốt lõi của COMECO:

“Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng”

4.4. Đối với khách hàng và đối tác

Thái độ của COMECO đối với khách hàng và đối tác là:

“Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win Win”

Với phương châm kinh doanh **“COMECO vì khách hàng phục vụ”**, COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia. Hàng năm, Công ty đều tiến hành thu thập đánh giá mức độ thỏa mãn của khách hàng thông qua phiếu đánh giá trong thủ tục ISO và đều luôn đạt mức cao, cụ thể như sau :

+ Về chất lượng:

ĐƠN VỊ	TỐT	KHÁ	TRUNG BÌNH	XẤU	RẤT KÉM
Các Chi nhánh	88,15%	10,96%	0,88%		
Phòng Kinh doanh	80%	20%			

+ Thời gian giao hàng:

ĐƠN VỊ	KỊP THỜI	TƯƠNG ĐỐI KỊP THỜI	TRUNG BÌNH	HƠI CHẬM	CHẬM
Các Chi nhánh	84,05%	15,12%	0,82%		
Phòng Kinh doanh	45%	54%	1%		

+ Phương thức giao hàng:

ĐƠN VỊ	RẤT THUẬN LỢI	THUẬN LỢI	TRUNG BÌNH	ÍT THUẬN LỢI	KHÔNG THUẬN LỢI
Các Chi nhánh	58,89%	40,14%	0,97%		
Phòng Kinh doanh	20%	78%	2%		

+ Giá cả:

ĐƠN VỊ	RẤT HỢP LÝ	HỢP LÝ	TRUNG BÌNH	ÍT HỢP LÝ	KHÔNG HỢP LÝ
Các Chi nhánh	52,12%	45,7%	2,18%		
Phòng Kinh doanh	11%	82%	8%		

+ Phương thức thanh toán:

ĐƠN VỊ	PHÙ HỢP	TƯƠNG ĐỐI PHÙ HỢP	TRUNG BÌNH	ÍT PHÙ HỢP	KHÔNG PHÙ HỢP
Các Chi nhánh	79,82%	18,51%	1,53%	0,14%	
Phòng Kinh doanh	28%	60%	12%		

+ Nhận xét về thương hiệu COMECO:

ĐƠN VỊ	CAO	KHÁ	TRUNG BÌNH	ÍT BIẾT	KHÔNG BIẾT
Các Chi nhánh	76,80%	21,26%	1,5%	0,44%	
Phòng Kinh doanh	68%	31%	1%		

Ngoài ra, Công ty còn lập đường dây nóng 24/24 số 38.300.222 để tiếp nhận các phản hồi của khách hàng. Lãnh đạo Công ty luôn trân trọng ghi nhận các ý kiến đóng góp; đồng thời cam kết bảo mật thông tin của khách hàng khi đóng góp ý kiến.

Bên cạnh đó, văn hóa “*COMECO nói lời cảm ơn khách hàng*” luôn được hầu hết NLD tích cực thực hiện. Mục đích muốn gửi đến khách hàng sự trân trọng, lòng biết ơn sâu sắc đã tin dùng những sản phẩm và dịch vụ của COMECO.

4.5. Đối với cổ đông và nhà đầu tư

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ:

“Tin cậy - Công khai - Minh bạch”

Công ty luôn tuân thủ quy định công bố thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Tất cả các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trên website của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và website của Công ty.

Chính sách trả cổ tức các năm luôn được thực hiện đầy đủ. Năm 2015 Công ty đã chi trả cổ tức ở mức rất cao 50%.

*
* *

Tóm lại, vì lợi ích của các bên liên quan COMECO đặt ra mục tiêu, cam kết duy trì và thực hiện tốt hơn các nội dung nêu trên với triết lý kinh doanh:

“Đại gia đình COMECO – Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”

Với tất cả các tiêu chí trên, COMECO luôn cam kết mang đến cho NLD, khách hàng, đối tác, cộng đồng những sản phẩm dịch vụ tốt nhất, môi trường làm việc tốt nhất. Bên cạnh mục tiêu kinh doanh COMECO cũng đồng thời quan tâm đến môi trường và cộng đồng nhằm góp phần cải tạo và xây dựng môi trường sống tốt đẹp hơn.

VI. CÁC RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

- Năm 2015, nền kinh tế thế giới cơ bản là thuận lợi nhờ chu kỳ thấp của giá hàng hóa và diễn biến tích cực từ các thị trường xuất khẩu (Mỹ, EU, Nhật Bản). Tuy nhiên, kinh tế Trung Quốc đi xuống và động thái tăng lãi suất của Mỹ cũng gây lo ngại về dòng vốn ngắn hạn tại các thị trường mới nổi. Về tình hình trong nước, nền kinh tế phục hồi tích cực nhờ động lực từ các khu vực công nghiệp, trong khi nông nghiệp và dịch vụ ít chuyển biến.

- Giá dầu thô suy giảm tác động tiêu cực đến thu ngân sách của Việt Nam. Đồng thời, một số mặt hàng xuất khẩu như cà phê, gạo cũng sẽ đứng trước nguy cơ sụt giảm doanh thu xuất khẩu. Do đó, phải đẩy mạnh nguồn thu nội địa để bù đắp, đặc biệt nguồn thu từ sử dụng đất.

- Do ảnh hưởng lan rộng của việc Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ, Ngân hàng nhà nước tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng thêm 1% nới biên độ giao dịch lên $\pm 3\%$, đồng thời tiếp tục cam kết cứng không điều chỉnh tỷ giá đến đầu năm 2016 và thắt chặt điều kiện mua ngoại tệ.

- Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển, COMECO vẫn phát huy các thế mạnh của mình đồng thời mở rộng kinh doanh, tiết kiệm các khoản chi phí, không ngừng xây dựng phát triển thương hiệu và văn hóa COMECO nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất và đạt hiệu quả cao nhất.

2. Rủi ro pháp luật

Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy, việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO.

Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu (ngành kinh doanh có điều kiện) về chính sách giá, tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối,... khi có những thay đổi, điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO.

Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu đã có hiệu lực từ tháng 01/11/2014 thay thế cho Nghị định 84/2009/NĐ-CP. Theo đó sẽ có nhiều loại hình thương nhân kinh doanh xăng dầu hơn; các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đều tập trung thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu để chờ Nhà nước mở cửa cho phép các công ty nước ngoài kinh doanh bán lẻ xăng dầu ở Việt Nam, do đó thị trường cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn.

Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT và Ban TGD Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ

Xăng dầu là vật liệu dễ cháy cho nên nguy cơ hỏa hoạn luôn luôn tiềm ẩn. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị hệ thống chữa cháy Foam, hệ thống cảnh báo cháy tại các CNXD, trang bị kiến thức PCCC cho NLĐ và mua bảo hiểm hỏa hoạn, các bảo hiểm rủi ro khác nhằm hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

4. Rủi ro tín dụng

Công ty thực hiện bán hàng trả chậm cho khách hàng với hình thức tín chấp, do đó rủi ro đối tác không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính có thể xảy ra. COMECO thường xuyên theo dõi tình hình công nợ và việc thanh toán của khách hàng. Từ đó tiến hành phân loại khách hàng nhằm áp dụng hình thức trả chậm cho phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng quy trình bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc các hình thức đảm bảo bằng tài sản khác, đề nghị khách hàng đặt cọc tiền khi mua hàng nhằm giảm thiểu rủi ro về việc khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thanh toán.

5. Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này, COMECO đã duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời COMECO cũng tìm được nguồn vốn vay lãi suất thấp của các ngân hàng nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho SXKD.

6. Rủi ro trong ngành xăng dầu

Rủi ro về biến động giá xăng dầu: Hiện nguồn cung xăng dầu trong nước chủ yếu từ nhập khẩu nên giá bán phụ thuộc vào giá xăng dầu thế giới. Thời gian qua, giá xăng dầu trên thế giới liên tục biến động bất thường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung và COMECO nói riêng. Để hạn chế rủi ro, COMECO thường xuyên cập nhật thông tin về giá xăng dầu thế giới, thị trường xăng dầu trong nước để có kế hoạch kinh doanh hiệu quả.

Phần 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2000	TH NĂM 2014	KH NĂM 2015	TH NĂM 2015	TỶ LỆ (%)		TỐC ĐỘ TĂNG BQ (%)
							TH 15/ TH 14	TH 15/ KH 15	
A	B	C	1	2	3	4	5 (4/2)	6 (4/3)	7
1	Doanh thu	Tr.đ	394.907	5.455.178	4.000.000	4.208.485	77,15	105,21	117,09
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.824	51.218	38.285	127.815	249,55	333,85	122,86
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.298	42.018	30.000	100.001	237,99	333,34	125,54
4	Các khoản nộp NS	Tr.đ	5.233	33.788	30.956	81.521	241,27	263,34	120,09
5	Cổ tức	%	-	20	15	50	250,00	333,33	

Ghi chú: - Năm 2000: Công ty còn là DNNN (CPH ngày 13/12/2000).

- Số liệu kiểm toán: đến hết năm 2015; Số liệu kiểm tra thuế: đến hết năm 2012.

- Cột 7: Tỷ lệ bình quân của 15 năm CPH (được tính theo phương pháp bình quân gia quyền).

Năm 2015, nền kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu phục hồi, tốc độ tăng trưởng cả năm đạt 6,68% là mức tăng cao nhất trong 8 năm qua. Tuy nhiên sự phát triển kinh tế vẫn chưa bền vững. Nhiều doanh nghiệp (sản xuất, kinh doanh vận tải, du lịch...) vẫn còn gặp khó khăn. Hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp không cao; và việc tiết kiệm trong tiêu dùng của nhân dân dẫn đến nhu cầu về nhiên liệu có phần bị hạn chế. Các chi phí đều tăng cao như tiền thuê đất, chi phí điện, nước, chi phí PCCC, BHXH, BHYT, ... Mặc dù vậy, với sự nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và NLĐ Công ty cùng với việc triển khai hiệu quả một số giải pháp phù hợp (tiết giảm đến mức thấp nhất các khoản chi phí không cần thiết, khai thác triệt để các mặt bằng hoạt động kinh doanh...), COMECO đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu so với kế hoạch và vượt mức so với thực hiện năm 2014, được thể hiện qua các số liệu cụ thể như bảng trên, đặc biệt LNST: **100,001 tỷ đồng**, đạt **333%** kế hoạch năm 2015. Tốc độ tăng trưởng bình quân sau 15 CPH (2001-2015): **22,86 %** (LNTT).

Riêng chỉ tiêu doanh thu đạt 77,15% so với kế hoạch 2014, nguyên nhân chủ yếu là do giá bán lẻ xăng dầu thay đổi liên tục 21 lần trong năm 2015 (chi tiết số lần tăng giảm giá xem trang 34), nhưng chỉ tiêu sản lượng vẫn hoàn thành vượt kế hoạch và tăng 5,38% so với thực hiện năm 2014.

Ngành nghề chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu. Tỷ trọng doanh thu và LNST của mảng kinh doanh xăng dầu chiếm tỷ trọng trên toàn Công ty lần lượt là 99,29% và 86,59%. Nguồn cung ứng xăng dầu trong năm 2015 là từ PV Oil và Saigon Petro.

Tình hình kinh doanh ổn định, các báo cáo tài chính theo quy định được công bố minh bạch theo đúng quy định. Công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật; các đợt thanh, kiểm tra xăng dầu đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty đều đạt kết quả tốt; luôn đảm bảo đủ lượng hàng hóa để phục vụ nhân dân Thành phố, góp phần bình ổn thị trường và trật tự an toàn xã hội.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban Điều hành

1.1. Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành

- **Ông Lê Tấn Thương** : **Tổng Giám đốc**
Năm sinh : 13/11/1971
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Anh văn,
Cử nhân Ngoại thương.
Thâm niên trong ngành : 23 năm
Thời gian gắn bó với Công ty : 23 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993 đến nay)
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 17 năm (từ tháng 10/2000 đến nay)
 - Tháng 6/1993 : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu.
 - Tháng 7/1996 : nhân viên Phòng Kế hoạch.
 - Tháng 10/2000 : Phó phòng Kinh doanh và sau đó là Quyền Trưởng phòng Kinh doanh.
 - Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.
 - Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD
 - Tháng 5/2012 : TGD cho đến nay với nhiệm kỳ 5 năm (01/5/2012 – 01/5/2017).

- **Ông Phạm Văn Khoa** : **Phó TGD**
Năm sinh : 05/5/1973
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng kỹ thuật công trình.
Thâm niên trong ngành : 19 năm
Thời gian gắn bó với Công ty : 17 năm (làm việc tại Công ty từ 7/1999 đến nay)
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 12 năm (tháng 07/2004 đến nay)
 - Tháng 7/1999 : nhân viên Phòng Kỹ Thuật.
 - Tháng 7/2004 : Trưởng ban xây dựng cơ bản.
 - Tháng 4/2005 : Giám đốc Đầu tư – Xây dựng.
 - Tháng 4/2006 : Ủy viên Ban Kiểm soát cho đến tháng 4/2012.
 - Tháng 4/2013 : Phó TGD cho đến nay với nhiệm kỳ 5 năm (01/4/2013 - 31/3/2018).

- **Ông Nguyễn Chơn Quang** : **Phó TGD**
Năm sinh : 12/7/1982
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Thâm niên trong ngành : 06 năm
Thời gian gắn bó với Công ty : 06 năm (làm việc tại Công ty từ 7/2010 đến nay)
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 04 năm (tháng 07/2012 đến nay)

- Tháng 7/2010 : nhân viên Phòng Kinh doanh.
- Tháng 4/2011 : Trợ lý Ban Tổng Giám đốc.
- Tháng 4/2012 : Trợ lý Tổng Giám đốc.
- Tháng 8/2012 : Quyền Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 1/2013 : Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 2/2015 : Phó TGD (nhiệm kỳ 5 năm) kiêm GD Kinh doanh.
- Tháng 1/2016 : Phó TGD cho đến nay.

- **Ông Phạm Công Quyền** : **Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính.**
- Năm sinh : 19/6/1963
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Tài chính,
Cử nhân Ngoại thương.
- Thâm niên trong ngành : 30 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 30 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1986 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 27 năm (tháng 6/1989 đến nay)
 - Tháng 6/1986 : nhân viên Kế toán Tổng hợp.
 - Tháng 6/1989 : Phó phòng Kế toán.
 - Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính.
 - Tháng 4/2012 : Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính cho đến nay.

1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần COM của Ban TGD, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác và người có liên quan

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TGD, KẾ TOÁN TRƯỞNG
VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM
(Tại thời điểm 18/02/2016)**

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SLCP	NGƯỜI LIÊN QUAN	SLCP	TỔNG SLCP	TL/VĐL (%)
1	2	3	4	5	6	7 (4+6)	8
1	Ban Tổng Giám đốc		142.530		39.190	181.720	1,29
1	Lê Tấn Thương	TGD	135.840	Vợ : Dương Thị Đài Trang	38.910	174.750	1,24
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD	1.950	Vợ : Lê Thị Hồng Anh	280	2.230	0,02
3	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGD	4.740			4.740	0,03
II	Kế toán trưởng		100.255			100.255	0,71
1	Phạm Công Quyền	GĐTC - KTT	100.255			100.255	0,71
	TC (I + II)		242.785		39.190	281.975	2,00

2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Bà Trần Thị Hồng Linh nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/01/2015.
- Ông Nguyễn Chơn Quang được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 03/3/2015. (nhiệm kỳ 05 năm từ ngày 03/3/2015 đến 03/3/2020).

3. Số lượng NLĐ và chính sách đối với người lao động

3.1. Số lượng NLĐ

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG CỦA COMECO NĂM 2015

SỐ TT	TIÊU CHÍ	NĂM 2014		NĂM 2015		TỶ LỆ (%)
		TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	
A	B	1	2	3	4	5(3/1)
I	Tổng số lao động	532		540		102
II	Trình độ văn hóa					
1	Trên đại học	06	1,13	07	1,29	117
2	Đại học	70	13,16	85	15,74	121
3	Cao đẳng	30	5,64	28	5,18	93
4	Trung cấp	55	10,34	50	9,26	91
5	Cấp III	325	61,09	327	60,56	101
6	Cấp II	46	8,65	44	7,97	93
III	Chính trị					
1	Đảng viên	48	9,02	51	9,40	106
2	Đoàn viên thanh niên	69	12,97	60	11,11	160
3	Đoàn viên Công đoàn	511	96,05	526	97,40	103
IV	Kinh nghiệm					
1	NLĐ có từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	82	15,41	104	19,26	230
2	NLĐ có trên 5 năm kinh nghiệm	318	59,77	351	65,00	180
V	Độ tuổi					
1	NLĐ có tuổi đời 30 tuổi trở xuống	203	38,16	180	33,33	89
2	NLĐ có tuổi đời 31 đến 40	218	40,98	246	45,60	113
3	NLĐ có tuổi đời 41 đến 50	66	12,41	73	13,52	111
4	NLĐ có tuổi đời từ 51 trở lên	45	8,46	41	7,55	91
VI	Cán bộ Quản lý					
1	Khối văn phòng (từ Phó GD bộ phận trở lên)	17	3,20	17	3,15	100
2	Khối CNXD (Trưởng, Phó CNXD)	47	8,83	48	8,90	102

Ghi chú: danh sách lao động tính đến thời điểm 31/12/2014 và 31/12/2015.

3.2. Chính sách đối với người lao động

- Nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, COMECO có một đội ngũ 540 lao động có trình độ, lành nghề và tận tụy, trong đó nhiều cán bộ chủ chốt có nhiều năm gắn bó với Công ty. Trong quá trình quản lý COMECO luôn xem NLĐ là vốn quý, là tài sản của doanh nghiệp, các chế độ đối với NLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước và theo Thỏa ước Lao động Tập thể của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn có các chế độ ưu đãi khác đối với NLĐ như phụ cấp cho NLĐ đi làm xa nhà, chi tiền học phí và khuyến khích NLĐ đi học, tổ chức tham quan du lịch, nghỉ dưỡng, sinh nhật,... Từ đó đã tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết để NLĐ xem COMECO như gia đình thứ hai của mình nhằm phát huy hết tinh thần làm việc đồng đội, sự sẻ chia và giúp đỡ nhau cùng hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ trẻ. Năm 2015, Công ty đã tổ chức đào tạo được 1.573 lượt người, đạt 315% so với kế hoạch.

- Quy hoạch và đào tạo được 14 cán bộ quản lý Ban điều hành, Giám đốc bộ phận, trưởng ban và 9 cán bộ quy hoạch khối Chi nhánh, việc đào tạo và bổ nhiệm đúng theo quy hoạch. Trong năm 2015, Công ty bổ nhiệm được 01 Phó TGD; 01 GD bộ phận; 01 Phó GD bộ phận; 02 Trưởng CN; 05 Phó CN; 01 Phó phụ trách CN; 04 Kế toán CN.

- Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện liên tục được cải tiến và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả Công ty.

- Phong trào sáng kiến, giải pháp mới năm 2015: có 41 Giải pháp mới được xét công nhận và khen thưởng kịp thời. Nhiều giải pháp có tính hữu ích cao giúp Công ty tiết kiệm được nhiều chi phí.

- Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn như hiện nay việc làm và đời sống của toàn thể NLD vẫn được duy trì; không có trường hợp bị mất việc làm; thu nhập và việc làm của người lao động được ổn định; đời sống NLD được cải thiện.

- Môi trường làm việc an toàn và ngày càng được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004, Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 và công cụ nâng cao năng suất lao động “5S”.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư

- Năm 2015, Công ty tiếp tục tập trung thực hiện việc khảo sát, bố trí lại các mặt bằng tại các CNXD để lắp thêm trụ bơm, bố trí các mặt hàng cho phù hợp với thị trường; đầu tư sửa chữa các CNXD. Xây dựng mới Hội trường Tầng 10 – Cao ốc Văn phòng Công ty; cải tạo sửa chữa nâng cấp mặt bằng sân bãi và khu rửa xe kang trang tại các CNXD số 3, 16, 7, 20, 21, 22; cải tạo lớn CNXD số 34 – Công trình Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty.

- Tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai đối với tất cả các mặt bằng của Công ty.

- Thực hiện việc di dời số hộ dân còn lại trong Tổng kho Xăng dầu COMECO, tổ chức phát hoang, nạo vét sông Soài Rạp để san lấp Tổng kho.

- Thực hiện chuyển đổi công năng, xem xét bố trí cho phù hợp và hiệu quả đối với tầng 7 Tòa nhà Vp COMECO để cho thuê ½ mặt bằng.

- Về khai thác kinh doanh tại Toà nhà COMECO: Đã khai thác 100%.

Năm 2015, COMECO đã đầu tư và thanh quyết toán **7.091.164.899 đ** (chưa bao gồm VAT) cho các hạng mục công trình sau:

- Tổng kho (chi phí trông giữ tài sản):	72.000.000 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 6	1.992.126.007 đ
<i>(Đã nêu trong BCTN năm 2014 nhưng sang 2015 mới quyết toán)</i>	
- Xây dựng mới Hội trường Tầng 10 – Cao ốc VP	663.102.404 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 3	689.150.274 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 7	424.319.277 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 16	136.861.225 đ

- Cải tạo sửa chữa CNXD số 20	376.904.651 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 21	97.968.672 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 22	172.724.640 đ
- Cải tạo sửa chữa CNXD số 34	1.333.148.262 đ
- Máy móc thiết bị	1.204.859.487 đ

2. Một số dự án lớn của Công ty

2.1. Dự án xây dựng Tổng kho Xăng dầu COMECO (đang thực hiện)

- Địa điểm : Xã Phú Đông và xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
(Sông Nhà Bè, gần đối diện với Kho Xăng dầu Nhà Bè, Tp.Hồ Chí Minh).

- Diện tích đất: 20ha (200.000 m²) với 370 m chiều ngang mặt tiền sông Nhà Bè.

Công ty sẽ thực hiện đầu tư dưới nhiều hình thức để phát triển sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả nhất.

Hiện nay, Công ty đã thực hiện một số công việc như : Hoàn tất thủ tục đền bù, nộp tiền sử dụng đất (giao đất), thi công san lấp mặt bằng,... với tổng chi phí tính đến 31/12/2015 là: **61,388 tỷ đồng**

2.2. Xây dựng mới Hội trường Tầng 10 – Cao ốc Văn phòng COMECO:

- Công trình thuộc sở hữu Công ty.

- Địa điểm: Tầng 10 – 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp.HCM.

- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là: **663.102.404 đ**

- Đưa vào hoạt động ngày 04/03/2015.

2.3. Cải tạo sửa chữa hệ thống CNXD

2.3.1. Đầu tư nâng cấp CNXD số 34:

- Địa điểm: 1135 QL 1A, Khu phố 5, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp.HCM.

- Thực hiện nâng cấp, cải tạo sửa chữa lớn CNXD số 34 gồm các hạng mục cải tạo nâng nền khu Văn phòng, quét sơn nước, nâng nền sân bãi, cải tạo khu bán hàng, hệ thống mương thoát nước và công trình được Công ty chọn làm công trình tiêu biểu chào mừng Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty với chi phí thực hiện là: **1.333.148.262 đ**

- Đưa vào hoạt động ngày 19/11/2015.

2.3.2. Đầu tư nâng cấp CNXD số 3:

- Địa điểm: 178/9M Điện Biên Phủ, P.21, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

- Hạng mục: đổ bê tông cốt thép toàn bộ mặt bằng Chi nhánh

- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là: **689.150.274 đ**

- Đưa vào sử dụng ngày 16/07/2015.

2.3.3. Đầu tư nâng cấp CNXD số 7:

- Địa điểm: 49 Trường Chinh, P.12, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

- Hạng mục: Thay mái tole nhà rửa xe, làm mới nhà nghỉ công nhân, đổ bê tông nền toàn bộ mặt bằng, thay mới đan sắt mương thoát nước.

- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là: **424.319.277 đ**

- Đưa vào sử dụng ngày 25/08/2015.

2.3.4. Đầu tư nâng cấp CNXD số 16:

- Địa điểm: 442 CMT8, P.11, Quận 3, Tp.HCM.
- Hạng mục: Cải tạo nhà kho hiện hữu, khu vực nhà rửa xe.
- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là: **136.861.225 đ**
- Đưa vào sử dụng ngày 24/09/2015.

2.3.5. Đầu tư nâng cấp CNXD số 20:

- Địa điểm: 667A, QL 1A, P. Linh Xuân, Quận Thủ Đức, Tp.HCM.
- Hạng mục: Tháo dỡ trần mái che, thảm nhựa toàn bộ lối vào, xây mới nhà để xe gắn máy cho Tài xế xe taxi, đổ bê tông nền đá 0x4.
- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là: **376.904.651 đ**
- Đưa vào sử dụng ngày 20/11/2015.

2.3.6. Đầu tư nâng cấp CNXD số 21:

- Địa điểm: 12A Quang Trung, P.8, Q. Gò Vấp, Tp.HCM.
- Hạng mục: đổ bê tông cốt thép toàn bộ mặt bằng Chi nhánh.
- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là: **97.968.672 đ**
- Đưa vào sử dụng ngày 04/12/2015.

2.3.7. Đầu tư nâng cấp CNXD số 22:

- Địa điểm: 315 Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, Tp.HCM.
- Hạng mục: Cải tạo nhà rửa xe, mở rộng nhà chờ rửa xe, nâng nền khu nhà rửa xe, quét sơn nước khu văn phòng, làm hệ thống mương thoát nước.
- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là: **172.724.640 đ**
- Đưa vào sử dụng ngày 13/10/2015.

2.3.8. Kinh doanh nhiên liệu sinh học E5

Sự phát triển bền vững của một quốc gia không thể tách rời với việc phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường và đặc biệt là đảm bảo an ninh năng lượng. Trong bối cảnh nhu cầu nhiên liệu gốc khoáng tăng cao trong khi nguồn cung cấp ngày càng hạn chế dẫn đến giá nhiên liệu gốc khoáng cũng tăng theo, việc đảm bảo an ninh năng lượng đang ngày càng trở nên cấp bách đối với tất cả các nước trên thế giới. Thêm vào đó, nhu cầu giảm phát thải các loại khí thải độc hại để bảo vệ môi trường, giảm chi phí y tế cho cộng đồng cũng trở nên bức thiết. Ngoài ra, việc hình thành một ngành công nghiệp nhiên liệu mới cũng sẽ giúp tạo việc làm, tạo cơ hội đầu tư và hỗ trợ phát triển nền kinh tế. Sản xuất và sử dụng nhiên liệu tái tạo nói chung và E5 nói riêng đáp ứng cả ba khía cạnh này.

Nhận thức được tầm quan trọng của nhiên liệu sinh học trong đó có xăng E5 đến sự phát triển bền vững của đất nước, đồng thời tuân thủ theo quyết định ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống của Thủ tướng Chính phủ, COMECO đã triển khai thí điểm kinh doanh xăng sinh học E5 tại một số CNXD của Công ty. Từ thành công bước đầu của chương trình, ngày 13/12/2011 nhân kỷ niệm 36 năm ngày thành lập Công ty COMECO đã chính thức triển khai kinh doanh xăng sinh học E5 tại **10 CNXD** thuộc hệ thống của COMECO. Tổng cộng hiện nay có **19 CNXD** thuộc hệ thống của COMECO đã kinh doanh xăng E5.

Việc triển khai kinh doanh xăng E5 một lần nữa thể hiện cam kết bảo vệ môi trường của COMECO, đồng thời mang đến cho khách hàng thêm sự lựa chọn khi sử dụng nhiên liệu.

2.3.9. Đầu tư nâng cấp các CNXD theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007

- COMECO đã đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước và hệ thống thu hồi hơi xăng dầu tại các CNXD để đảm bảo nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật. Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty đều ký hợp đồng với đơn vị Nhà nước có chức năng để thực hiện kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải, khí tại các CNXD COMECO và kết quả đều đạt yêu cầu.

- Đối với chất thải: hầu hết các CNXD COMECO đều có đăng ký sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Ngoài ra, Công ty cũng trang bị đầy đủ phương tiện tại các CNXD để kiểm soát, phân loại chất thải sinh hoạt vào chất thải nguy hại (Việc thực hiện thu gom và xử lý chất thải tại các CNXD COMECO được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần theo quy định).

- Nâng cấp hệ thống nhà vệ sinh để cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ và phục vụ khách hàng.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2013	TH NĂM 2014	TH NĂM 2015	TỶ LỆ (%)	
						15/14	15/13
A	B	C	1	2	3	4(3/2)	5(3/1)
1	Tổng tài sản	Tr.đ	597.791	428.410	449.381	109,90	75,17
2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	360.078	388.678	395.733	101,82	109,90
3	Vốn điều lệ	Tr.đ	141.206	141.206	141.206	100	100
4	Số lượng cp đang lưu hành	Cp	13.750.875	14.120.628	14.120.628	100	102,69
5	Doanh thu thuần	Tr.đ	5.230.732	5.455.178	4.208.485	77,15	80,46
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	30.815	51.240	127.374	248,58	413,35
7	Lợi nhuận khác	Tr.đ	1.885	-23	441		23,40
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	32.700	51.218	127.815	249,55	390,88
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	25.531	42.018	100.001	238,00	391,69
10	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	15	20	50	250,00	333,33
11	Lãi cơ bản trên cp (9/4)	Đồng	1.857	2.708	6.374	235,38	343,24
12	Giá trị cổ phiếu trên sổ sách (2/4)	Đồng	26.186	27.526	28.025	101,82	107,02

Ghi chú : Số liệu kiểm toán : đến hết năm 2015; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2012.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2013	TH 2014	TH 2015	TỶ LỆ (%)	
						15/14	15/13
A	B	C	1	2	3	4(3/2)	5(3/1)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,38	4,33	3,38	78,06	244,93
1.2	Hệ số thanh toán nhanh: ((TSLĐ – Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn)	Lần	0,49	2,40	2,03	84,58	414,29
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	Lần	0,40	0,09	0,12	133,33	30,00
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	Lần	0,66	0,10	0,14	140,00	21,21

3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
3.1	Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	24	38	55	144,74	229,17
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	8,75	12,73	9,37	73,61	107,09
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%					
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,49	0,77	2,38	309,09	485,71
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,09	10,81	25,27	233,77	356,42
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,27	9,81	22,25	226,81	521,08
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	%	0,59	0,94	3,03	322,34	513,56

Nhận xét:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đều khả quan và an toàn cao được thể hiện thông qua các chỉ số khả năng thanh toán năm 2014 và năm 2015. Đặc biệt các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận năm 2015 đều tăng cao so với các năm trước do Công ty có nhiều giải pháp kinh doanh hiệu quả, giảm công nợ, sử dụng hết công suất các mặt bằng hiện có để kinh doanh... Về tình hình hàng tồn kho, trong năm 2015 Công ty đã quản lý hiệu quả hàng tồn kho so với năm 2014 được thể hiện qua số vòng quay hàng tồn kho là 55 vòng so với năm 2014 là 38 vòng.

3. Tình hình tài sản

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
1	Tài sản ngắn hạn	176.999.543.157	155.371.025.502	112,21
2	Tài sản dài hạn	272.381.294.138	273.039.050.557	99,76
	TỔNG CỘNG	449.380.837.295	428.410.076.059	104,90

Bảng giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty (tại thời điểm 31/12/2015)

SỐ TT	KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ (đồng)	GIÁ TRỊ CÒN LẠI (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (2/1)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	134.263.272.012	106.333.986.606	79,20
2	Máy móc thiết bị	14.986.573.622	3.132.791.635	20,90
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.034.703.558	2.936.624.202	16,28
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.896.626.591	1.528.679.602	39,23
	TỔNG CỘNG	171.181.175.783	113.932.082.045	66,56

Nhận xét:

- Tài sản ngắn hạn: Cuối năm 2015 tài sản ngắn hạn chiếm tỷ lệ là 112,21% so với năm 2014 chủ yếu do các khoản tiền và tương đương tiền tăng (tăng 204,12%) so với năm 2014.

- Tài sản dài hạn: Trong năm 2015, giá trị tài sản dài hạn không biến động nhiều so với năm 2014.

- COMECO có thể khẳng định rằng: Trong năm 2015 nền tài chính của COMECO hoàn toàn chủ động, vốn đầu tư cho các dự án được đáp ứng đầy đủ theo đúng tiến độ.

- Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và nghị quyết của ĐHCĐ.

4. Tình hình nợ phải trả

DVT: đồng

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2015)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2015)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
01	Nợ ngắn hạn	52.295.370.998	38.379.909.727	143,65
02	Nợ dài hạn	1.352.425.005	1.352.425.005	100
	TỔNG CỘNG	53.647.796.003	39.732.334.732	135,02

Nhận xét: Nợ phải trả trong năm 2015 của Công ty tăng 135,02% so với năm 2014 do phát sinh các khoản tiền thuê đất Công ty phải nộp cho Nhà nước.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

1.1. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 18/02/2016

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
1	Cổ phiếu thường	13.299.938	
2	Cổ phiếu quỹ	0	
3	Cổ phiếu bán cho các đối tác chiến lược Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một Thành Viên (PVOil) thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petro VN)	820.690	5 năm (23/1/2008 → 23/1/2013)
	TỔNG CỘNG	14.120.628	

1.2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2015: **14.120.628 cp**

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31/12/2015

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{395.733.041.292 \text{ đồng}}{14.120.628 \text{ cp}} = 28.025 \text{ đồng/cp}$$

Giá trị sổ sách năm 2015: 28.025 đồng/cp tăng 1,81% so với năm 2014: 27.526 đồng/cp.

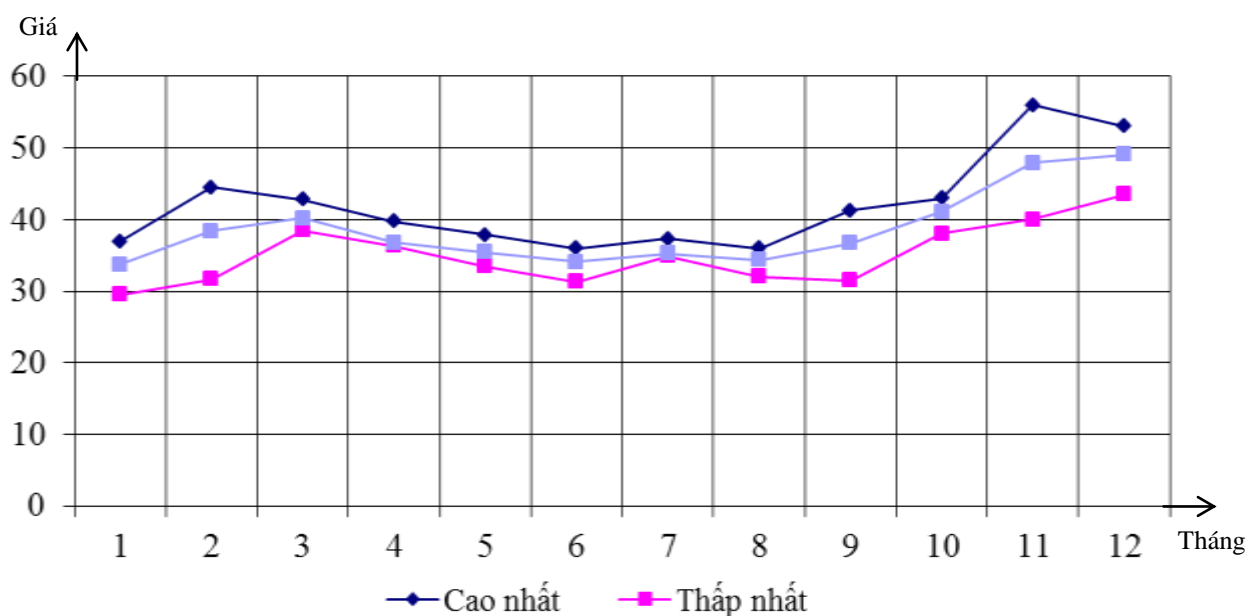
1.4. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2015

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2015

DVT :ngàn đồng

THÁNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	CẢ NĂM
Cao nhất	37,0	44,5	42,8	39,7	37,9	36,0	37,3	36,0	41,3	43,0	56,0	53,0	56,0
Thấp nhất	29,5	31,7	38,5	36,3	33,5	31,3	34,9	32,0	31,5	38,0	40,0	43,5	29,5
Trung bình	33,7	38,4	40,2	36,8	35,4	34,1	35,3	34,4	36,7	41,1	47,9	49,1	38,6

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2015



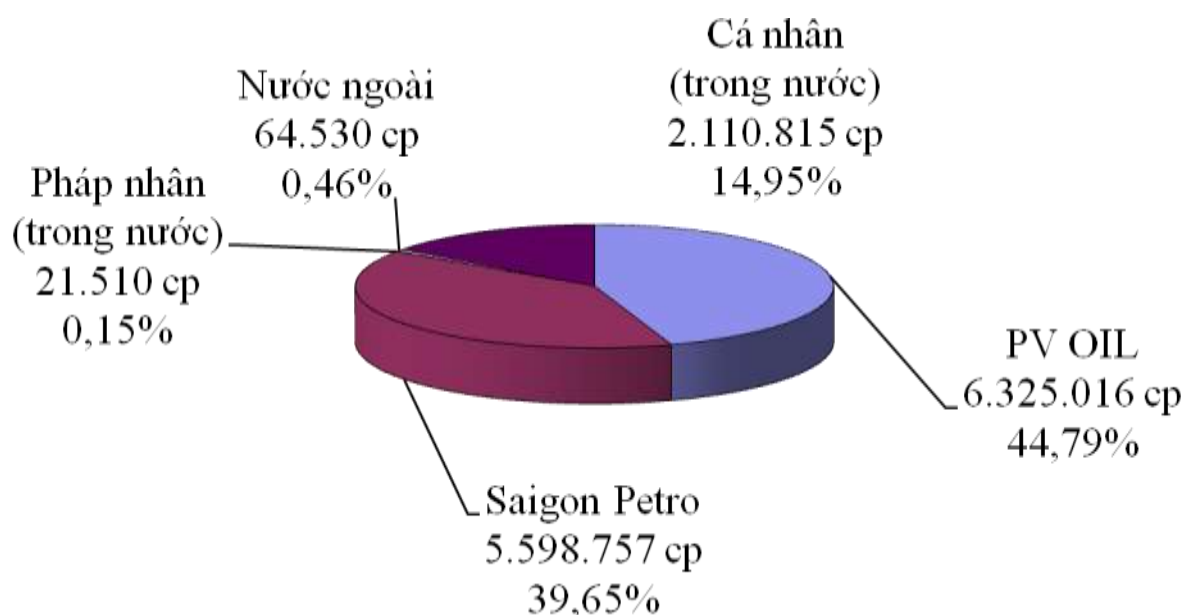
2. Cơ cấu cổ đông

2.1. Cổ đông trong nước và nước ngoài

SỐ TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 09/02/2015			THỜI ĐIỂM 18/02/2016			TỶ LỆ (%)
		SLCÓ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	SLCÓ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7(5/2)
I	Cổ đông trong nước	336	14.053.688	99,53	335	14.056.098	99,54	100,02
1	Pháp nhân	4	11.945.283	84,59	4	11.945.283	84,59	100,00
1.1	<i>PV Oil</i>	1	6.325.016	44,79	1	6.325.016	44,79	100,00
1.2	<i>Saigon Petro</i>	1	5.598.757	39,65	1	5.598.757	39,65	100,00
1.3	<i>Khác</i>	2	21.510	0,15	2	21.510	0,15	100,00
2	Cá nhân	332	2.108.405	14,93	331	2.110.815	14,95	100,11
II	Cổ đông nước ngoài	75	66.940	0,47	72	64.530	0,46	96,40
1	Pháp nhân	2	6.780	0,05	2	7.770	0,06	114,60
2	Cá nhân	73	60.160	0,43	70	56.760	0,40	94,35
	TC (I + II)	411	14.120.628	100	407	14.120.628	100	100

2.2. Tỷ trọng cổ phiếu COM

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM (Tại thời điểm 18/02/2016)



2.3. Cổ đông lớn

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 100.000 CP COM TRỞ LÊN (Tại thời điểm 18/02/2016)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 09/02/2015		TĂNG GIẢM (cp)	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 18/02/2016	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+3)	5
1	Tổng Cty Dầu Việt Nam Cty TNHH MTV (PVOil)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	6.325.016	44,79	0	6.325.016	44,79
2	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Dầu khí	5.598.757	39,65	0	5.598.757	39,65
3	Ông Lê Tấn Thương và người có liên quan	318/1A Cách Mạng Tháng Tám, P.10, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	TGD COMECO	157.730	1,12	17.020	174.750	1,24
4	Ông Trần Nguyên Anh	611/8B Điện Biên Phủ, P.1, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Trưởng CNXD số 12 COMECO	120.250	0,85	750	121.100	0,86
5	Ông Nguyễn Nam Hải	25-27 Đường số 1 SX Chu Văn An, P.26, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Trưởng CNXD số 08 COMECO	107.100	0,76	0	107.100	0,76
6	Ông Hà Thanh Hùng	117 Trương Định, P.7, Q.3, Tp.HCM	Cổ đông ngoài	102.570	0,73	0	102.570	0,73
7	Ông Phạm Công Quyền	35/10 Nguyễn Đình Chiểu, P.4, Q.3, Tp.HCM	GĐTT – KTT COMECO	100.255	0,71	0	100.255	0,71

Ghi chú: Cổ đông lớn theo quy định của Luật chứng khoán là cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu của Công ty trở lên. Theo quy định này thì Công ty hiện có 2 cổ đông lớn là PV Oil và Saigon Petro.

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2015: không có

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2015 : không có

5. Chi cổ tức

Trong năm 2015, COMECO đã tiến hành chi cổ tức bằng tiền mặt các đợt cụ thể như sau:

SỐ TT	NỘI DUNG	NGÀY GIAO DỊCH KHÔNG HƯỜNG QUYỀN	NGÀY THANH TOÁN CỔ TỨC	TỶ LỆ CỔ TỨC CHI TRẢ (%)
1	Thanh toán cổ tức đợt 2/2014 bằng tiền mặt	09/2/2015	05/3/2015	7
2	Thanh toán cổ tức đợt 3/2014 bằng tiền mặt	07/7/2015	23/7/2015	5
3	Thanh toán cổ tức đợt 1/2015 bằng tiền mặt	07/7/2015	23/7/2015	10
4	Thanh toán cổ tức đợt 2/2015 bằng tiền mặt	23/11/2015	10/12/2015	40

6. Các chứng khoán khác

6.1 Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2015
(Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TÒN ĐẦU KỲ (cp)	MUA		BÁN		TÒN CUỐI KỲ	
				SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I	Cổ phiếu đã niêm yết		728.631			39.300	687.750	689.331	13.349.410
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	237.504					237.504	3.450.000
2	Cty cp Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	5.133					5.133	46.600
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942					176.942	3.989.625
4	Cty cp Thương mại XNK Thủ Đức	TMC	264.752					264.752	5.775.685
5	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	44.300			39.300	687.750	5.000	87.500
II	Cổ phiếu chưa niêm yết		2.570.465					2.570.465	26.809.774
1	Cty cp Cà phê Petec		43.800					43.800	444.000
2	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000					200.000	2.000.000
3	Cty cp Vật tư Xăng dầu Petec (**)		26.990					-	-
4	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định (**)		-					26.990	272.599
5	Cty cp Vận tải biển Việt Tin		1.000.000					1.000.000	10.000.000
6	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec		99.675					99.675	2.093.175
7	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000					200.000	2.000.000
8	Cty Cp Vận tải X.dầu Dầu khí Việt Nam		1.000.000					1.000.000	10.000.000
	TỔNG CỘNG		3.299.096			39.300	687.750	3.259.796	40.159.184

Ghi chú: (**) Trong năm, Cổ phiếu Công ty Cp Vật tư Xăng dầu Petec chuyển đổi sang Công ty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định theo thông báo hoán đổi cổ phiếu tỷ lệ 1 cổ phiếu của Công ty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định = 1,53 cổ phiếu của Công ty Cp Vật tư Xăng dầu Petec

6.2. Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán

BẢNG DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN
(Tính đến 31/12/2015)

SỐ TT	TÊN CHỨNG KHOÁN	MÃ CK	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU (cp)	GIÁ MUA BÌNH QUẢN (đ/cp)	GIÁ NGÀY 31/12/15 (đ/cp)	CHÊNH LỆCH ĐƠN GIÁ (đ/cp)	GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH (1.000đ)	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP CÁC NĂM (1.000đ)	HOÀN NHẬP DỰ PHÒNG NĂM 31/12/2015 (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4 (3-2)	5 (1x4)	6	7 (5-6)
I	CP đã niêm yết		728.631				-4.156.061	-4.793.937	637.876
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	237.504	14.526	16.500	1.974	0	0	0
2	Cty cp DV Ô tô Hàng Xanh	HAX	5.133	9.079	17.600	8.521	0	-1.943	1.943
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942	22.548	12.100	-10.448	-1.848.627	-2.060.957	212.330
4	Cty cp TM XNK Thủ Đức	TMC	264.752	21.815	13.100	-8.715	-2.307.434	-2.731.037	423.603
II	CP chưa niêm yết		2.570.465				-10.618.570	-10.107.824	-510.746
1	Cty cp Cà phê Petec		43.800	10.137	10.137	0	0	0	0
2	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000	10.000	3.219	-6.781	-1.356.215	-1.272.461	-83.754
3	Cty cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định		26.990	10.100	100	-10.000	-269.900	0	-269.900
4	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000	10.000	1.631	-8.369	-8.369.457	-8.835.363	465.906
5	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec		99.675	21.000	14.750	-6.250	-622.998	0	-622.998
6	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000	10.000	10.000	0	0	0	0
7	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam		1.000.000	10.000	10.268			0	0
	TỔNG CỘNG (I + II)		3.299.096				-14.774.631	-14.901.761	127.130

Ghi chú:

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cp.

- Cột 3: Giá các loại cổ phiếu ngày 31/12/2015 được tính như sau:

- + Cổ phiếu đã niêm yết được lấy theo giá trên sàn giao dịch.
- + Cổ phiếu chưa niêm yết được lấy theo giá mua vào. Các cổ phiếu của Cty Cp Cơ khí Ô tô Cần Thơ, Công ty Cp Vận tải Biển Việt Tín, Công ty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định, Tổng Công ty Co TM Kỹ thuật và Đầu tư Petec do vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ (BCTC năm 2014 đã kiểm toán) nên COMECO trích lập dự phòng căn cứ theo Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính thì điều kiện để trích dự phòng đối với cổ phiếu: có vốn chủ sở hữu nhỏ hơn so với vốn điều lệ.

Phần 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Phân tích những biến động – những thay đổi lớn so với dự kiến

Năm 2015 nền kinh tế nước ta phục hồi, tốc độ tăng trưởng cả năm đạt 6,68% là mức tăng cao nhất trong 8 năm qua. Tuy nhiên sự phát triển kinh tế vẫn chưa bền vững. Nhiều doanh nghiệp (sản xuất, kinh doanh vận tải, du lịch...) vẫn còn gặp khó khăn. Hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp không cao; và việc tiết kiệm trong tiêu dùng của nhân dân dẫn đến nhu cầu về nhiên liệu có phần bị hạn chế.

- Thị trường tài chính ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng tăng nhẹ (0,64%), đạt mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm qua.

- Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: tiền thuê đất, điện, nước, BHXH, BHYT,...

- Thị trường xăng dầu dần được điều hành theo cơ chế thị trường, việc thay đổi giá bán lẻ xăng dầu diễn ra thường xuyên. Do ảnh hưởng của giá dầu thế giới, giá xăng dầu trong nước cũng biến động liên tục theo xu hướng giảm. (Từ đầu năm 2015 đến nay đã có 21 lần điều chỉnh giá: 2 lần tăng và 13 lần giảm, 6 lần tăng giá xăng giảm giá dầu hoặc tăng giá dầu giảm giá xăng).

- Xu hướng chiếm dụng vốn giữa các doanh nghiệp vẫn có chiều hướng gia tăng, vì vậy Công ty vẫn tiếp tục chủ trương giảm đối tượng bán hàng trả chậm để đảm bảo an toàn kinh doanh.

- Công tác cải tạo cơ sở hạ tầng của Thành phố như việc thi công hệ thống thoát nước đường Hùng Vương, Minh Phụng, Hậu Giang, Lê Quang Sung ... đã ảnh hưởng đáng kể đến sản lượng bán hàng tại các CNXD gần khu vực thi công như CNXD số 4, 6.

- Công ty tiếp tục đầu tư chi phí cho việc sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại CHXD hiện hữu để đảm bảo hoạt động kinh doanh và phù hợp với Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; đầu tư cho công tác PCCC, sửa chữa nâng cấp hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO (bảng hiệu chi nhánh trực thuộc và các khách hàng thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu của Công ty, trang bị bảng tên nhiên liệu bằng vật liệu Alu); đầu tư nâng cấp mặt bằng rửa xe tại các CNXD.

- Thị trường bất động sản đang dần phục hồi, mảng kinh doanh cho thuê VP, kho bãi của Công ty cũng tương đối thuận lợi.

**BẢNG THỐNG KÊ CÁC ĐỢT THAY ĐỔI GIÁ BÁN LẺ XĂNG DẦU
NĂM 2015**

DVT: đồng/lít

SỐ TT	NGÀY	MỨC TĂNG, GIẢM		TĂNG	GIẢM
		XĂNG	DẦU		
1	2	3	4	5	6
1	06/01/2015	-310	-360		X
2	21/01/2015	-1.900	-1.460		X
3	05/02/2015	-320	-110		X
4	11/03/2015	1.610	710	X	
5	26/03/2015		-250		X
6	05/05/2015	1.950	-260	X	X
7	20/05/2015	1.200	500	X	
8	04/06/2015		-20		X
9	19/06/2015	280	-290	X	X
10	04/07/2015	-330	-280		X
11	20/07/2015	-260	-1.110		X
12	04/08/2015	-820	-820		X
13	19/8/2015	-770	-440		X
14	03/09/2015	-1.200	-110		X
15	18/09/2015	620	570	X	
16	03/10/2015	180	-160	X	X
17	19/10/2015	-130	220	X	X
18	03/11/2015	-770	-430		X
19	18/11/2015	-180	120	X	X
20	03/12/2015	-260	-280		X
21	18/12/2015	-390	-1.250		X
TỔNG SỐ LẦN TĂNG, GIẢM				8	18

Năm 2015 có tổng cộng 21 lần tăng giảm giá bán lẻ xăng dầu gồm: 2 lần tăng, 13 lần giảm và 6 lần tăng giảm lẫn lộn các mặt hàng xăng dầu.

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trước những khó khăn trên, Ban TGD cùng với tập thể NLĐ Công ty đã cố gắng triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả. Kết quả đạt được như sau:

- Tình hình kinh doanh ổn định, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều tăng trưởng cao so với kế hoạch 2015 và vượt mức so với thực hiện năm 2014, đặc biệt **LNST: 100,001 tỷ đồng**, đạt **333%** kế hoạch năm 2015.

- Công tác đầu tư được tiến hành theo chiến lược của của HĐQT và kế hoạch của TGD Công ty:

- + Tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai một số mặt bằng của Công ty.
- + Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp lớn CNXD số 7, 20 và 34 (xem trang 23).

+ Đầu tư sửa chữa nâng cấp Hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO cho chi nhánh xăng dầu của COMECO và các thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu: đầu tư bảng hiệu đèn LED, thay thế bảng tên nhiên liệu bằng vật liệu Alu; trang bị mới bảng hiệu, hộp đèn logo,...cho toàn hệ thống khách hàng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu COMECO.

+ Đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống CNXD: sơn mới văn phòng, nâng cấp hệ thống nhà vệ sinh,... để cải thiện môi trường làm việc cho NLD và phục vụ khách hàng.

+ Đầu tư thay thế toàn bộ hệ thống kim chống sét hiện đại tại các CNXD, thay thế màn hình LCD bằng màn hình LED cho hệ thống trụ bơm Công ty.

+ Đầu tư sửa chữa, lắp thêm trụ bơm cho một số CNXD hiện hữu để mở rộng kinh doanh.

+ Tập trung đầu tư khai thác các mặt bằng còn trống; Tòa nhà COMECO và Kho Thủ Đức đã khai thác 100% công suất sử dụng.

- Công tác quản lý:

+ Rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành một số quy chế và quy định về quản lý, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý như: Quy định các công việc thực hiện khi thay đổi giá bán lẻ xăng dầu; Quy định thi đua khen thưởng của Công ty; Quy định người lao động lưu trú tại CNXD; Quy định công tác văn thư, lưu trữ và quản lý con dấu; Quy định chế độ, chính sách cho người lao động nghỉ hưu; Quy định về tiền lương cho Tổ tiếp thị và Tổ xe bồn;...

+ Công ty thực hiện việc quay phim hoạt động khối CNXD, sau đó chiếu cho cán bộ quản lý và NLD xem để rút kinh nghiệm và học hỏi những đơn vị thực hiện tốt. Qua đó, hầu hết NLD thực hiện đúng Quy trình bán hàng, phong cách phục vụ có sự thay đổi. Trường các đơn vị quan tâm nhiều hơn đến việc cải tiến phương pháp bán hàng và thái độ phục vụ của nhân viên bán hàng; phản ánh của khách hàng có giảm so với cùng kỳ năm trước.

+ Tuyển mới 32 lao động đáp ứng đủ lao động cho các đơn vị để ổn định hoạt động kinh doanh.

+ Tập trung thực hiện việc đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm theo đúng quy định. Về công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo cán bộ trẻ. Năm 2015 đã đào tạo được 1.573 lượt người, đạt 315% kế hoạch; quy hoạch 14 cán bộ quản lý Ban điều hành, GĐ bộ phận, Trưởng ban, 9 cán bộ quy hoạch khối Chi nhánh. Quy hoạch được 6 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 12 cán bộ cho cấp phòng trở xuống. Bổ nhiệm được 15 cán bộ; trong đó: 01 Phó TGD; 01 Giám đốc bộ phận; 01 Phó Giám đốc bộ phận; 02 Trưởng Chi nhánh; 05 Phó Chi nhánh; 01 Phó phụ trách Chi nhánh; 04 Kế toán CN.

+ Thực hiện quy trình đào tạo mới cho nhân viên bán hàng tại CNXD.

+ Thực hiện rà soát và tích hợp các quy định quản lý cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn SXKD.

+ Tăng cường công tác quản lý đo lường, chất lượng hàng hóa trong vận chuyển, lưu kho và lưu thông.

+ HTQTCLTD liên tục được cải tiến và ngày càng hoàn thiện góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Các Quy định về thực hiện dân chủ, về đối thoại được duy trì thường xuyên; có nhiều ý kiến góp ý cho hoạt động quản lý và SXKD của Công ty, trong đó có **41 Giải pháp mới** của NLD được công nhận, khen thưởng kịp thời.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn cháy nổ được đảm bảo.

- Qua tổng kết cuối năm 2015, Công ty có 25 tập thể lao động xuất sắc, 12 tập thể lao động tiên tiến, 3 chiến sĩ thi đua cấp Thành phố, 48 chiến sĩ thi đua cơ sở.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn cháy nổ được đảm bảo.

- Công tác thông tin, báo cáo, quyết toán hàng kỳ đều được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của các cơ quan ban, ngành đồng thời đáp ứng được thông tin cho điều hành kinh doanh hiệu quả. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố tại website Công ty theo địa chỉ www.comeco.vn và được trình bày trước ĐHĐCĐ thường niên hàng năm. Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2016

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2016

- Doanh thu : 3.100 tỷ đồng

- LNTT : 52 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 42 tỷ đồng

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2016 giảm so với năm 2015 vì dự báo giá xăng dầu tiếp tục giảm.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất kinh doanh

- Nâng cao chất lượng dịch vụ đặc biệt là dịch vụ bán lẻ tại các CNXD, chính sách bán hàng, hỗ trợ đầu tư, phát triển dịch vụ thanh toán bằng thẻ để giữ và thu hút khách hàng. Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các chi nhánh cho phù hợp với nhu cầu.

- Tiếp tục tìm kiếm địa điểm để phát triển hệ thống bán lẻ xăng dầu.

- Duy trì và phát triển hệ thống khách hàng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu. Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng. Đẩy mạnh việc bán hàng trả ngay, giảm dần bán hàng trả chậm.

- Phát triển các loại hình dịch vụ: Hợp tác khai thác kinh doanh kho, bãi; dịch vụ vận chuyển của xe bồn; dịch vụ sửa chữa, xây dựng trạm xăng dầu.

- Thực hiện tốt công tác mua hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, hạn chế rủi ro khi thị trường biến động.

- Duy trì chính sách thưởng cho các đơn vị, cá nhân tìm kiếm khách hàng mới có khả năng thanh toán tốt; giới thiệu cây xăng, địa điểm xây dựng cây xăng; thuyết phục khách hàng chuyển từ trả chậm sang trả ngay.

2.2. Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển khoa học công nghệ

- Tiếp tục đầu tư máy móc, trang thiết bị công nghệ cao để phục vụ cho kinh doanh, quản lý và đảm bảo an toàn PCCC.

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm tin học nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng một số mặt bằng để tiếp tục đưa vào kinh doanh và liên kết kinh doanh.

- Tiếp tục triển khai áp dụng giải pháp mới để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

- Tăng cường công tác đào tạo tại chỗ và mở rộng kiểm tra kiến thức đối với cán bộ quản lý, cán bộ trẻ. Cải tiến công tác đào tạo, chú trọng hình thức đào tạo thực hành tại chỗ.

- Tăng cường thông tin nội bộ và trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. Khen thưởng động viên kịp thời NLD.

- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ.

- Phát huy hơn nữa vai trò các đoàn thể để phát triển phong trào thi đua nhằm nâng cao năng suất lao động và phát huy dân chủ cơ sở và phát triển Văn hóa, Thương hiệu.

2.4. Nhóm giải pháp về tổ chức và quản lý

- Quán triệt các quy định, chính sách đến từng NLD để NLD hiểu và thực hiện tốt. Lãnh đạo ổn định tư tưởng người lao động. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt việc quản lý và động viên người lao động, đoàn kết nhất trí trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Phân công bố trí ca kíp hợp lý; duy trì bán hàng giờ cao điểm (cán bộ quản lý các CNXD phải có mặt tại khu vực trụ bơm trong các giờ cao điểm để giúp đỡ, động viên nhân viên bán hàng và kịp thời giải quyết các tình huống phát sinh) không để xảy ra tình trạng ùn tắc làm ảnh hưởng đến kinh doanh. Tăng cường dịch vụ hậu mãi. Tiếp tục duy trì thực hiện tốt hơn việc nói lời “cảm ơn” khách hàng trong toàn Công ty.

- Thực hiện việc chuyển đổi Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001 : 2008 sang Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001 : 2015.

- Duy trì Hệ thống QLCLTD; tăng cường công tác đánh giá nội bộ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, quy trình, hướng dẫn công việc; hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể COMECO; đồng thời rà soát, chỉnh sửa các Quy định về quản lý cho phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh.

- Quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh và công nợ. Xử lý thông tin kịp thời để có quyết định kinh doanh phù hợp nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời hạn chế rủi ro trong kinh doanh. Đảm bảo nguồn hàng đầy đủ, kịp thời cho các CNXD (tránh không để bất cứ CNXD thiếu xăng dầu phải để bảng “hết hàng”).

- Phát triển hợp tác, liên doanh khai thác kinh doanh kho bãi, dịch vụ xây dựng trạm xăng dầu.

- Quản lý chặt chẽ công tác phòng cháy và huấn luyện thường xuyên công tác chữa cháy để đảm bảo an toàn kinh doanh. Đảm bảo công tác đo lường, PCCC, chất lượng, số lượng hàng hóa bán ra theo đúng quy định.

- Duy trì và phát triển các phong trào thi đua trong sản xuất kinh doanh, thi đua thực hành tiết kiệm, thi đua phát ý tưởng mới (sáng kiến, giải pháp mới,...).

- Thực hiện tốt trách nhiệm cộng đồng để làm tốt công tác chính sách xã hội và kết hợp quảng bá phát triển thương hiệu COMECO.

Năm 2016, tình hình kinh doanh xăng dầu vẫn còn nhiều biến động khó lường. Nhưng với truyền thống đoàn kết và tinh thần vượt khó cùng hướng về mục tiêu chung của Công ty, nhất định tập thể NLD Công ty COMECO sẽ vượt qua được khó khăn, thử thách để thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch và phát triển thương hiệu COMECO thực sự là thương hiệu của Chất lượng dịch vụ.

Phần 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2015, HĐQT của Công ty đã tổ chức 14 phiên họp HĐQT để đề ra các chủ trương, định hướng đúng đắn; nghị quyết và quyết định phù hợp nhằm kịp thời chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty. Ngoài ra, hết năm HĐQT tổ chức 1 phiên họp kiểm điểm, đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT, của BKS, của Ban TGD Công ty. Qua đó HĐQT đánh giá về hoạt động của Công ty năm 2015 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết ĐHĐCĐ đảm bảo tính minh bạch.

HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD, cho Cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

HĐQT thực hiện đầy đủ các chức năng theo quy định của Điều lệ, giám sát tốt hoạt động của Ban điều hành.

HĐQT và Ban TGD nắm vững tình hình thị trường và điều kiện kinh doanh của Công ty, đã đưa ra nhiều giải pháp quan trọng để tháo gỡ khó khăn, đưa Công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2015 mà ĐHĐCĐ thông qua, đặc biệt chỉ tiêu LNST năm 2015 là 100 tỷ đồng, đạt 333% so với kế hoạch.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

1. Giám sát hoạt động của Ban TGD

HĐQT kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Ban TGD trong các công tác sau:

- Giám sát thường xuyên công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của TGD, đảm bảo hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm 2015.

- Ban TGD đã thực hiện tốt các Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; triển khai áp dụng một số giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; **thực hiện công bố thông tin theo quy định**.

- Chỉ đạo TGD quản lý chặt chẽ công tác quản lý tài chính; đưa ra các biện pháp tiết kiệm, phòng ngừa để hạn chế rủi ro trong hoạt động SXKD và đầu tư. Hàng kỳ 6 tháng và năm 2015 đều có thực hiện kiểm tra quyết toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)); đồng thời có sự kiểm soát của BKS Công ty theo đúng định kỳ 6 tháng/ lần.

- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo đúng kế hoạch đặt ra và theo đúng các quy định hiện hành.

- Hoạt động của TGD luôn tuân thủ theo đúng pháp luật, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

2. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty

Cán bộ quản lý Công ty gồm có TGD, các Phó TGD và Kế toán trưởng.

(Điểm d, khoản 1, điều 1 của Điều lệ Công ty quy định “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn).

- TGD hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của HĐQT.
- HĐQT thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các Phó TGD và Kế toán trưởng Công ty thông qua báo cáo của TGD.

III. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

1. Dự báo tình hình năm 2016

- Dự báo kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, khoảng 3,3%.
- Giá dầu thế giới biến động mạnh; những tổ chức có uy tín trên thế giới đều đánh giá và nhận định xu thế giảm giá dầu sẽ còn tiếp tục, không chỉ ở đáy 30 USD/ thùng mà thậm chí có khả năng còn xuống 20 USD/ thùng.
- Các công trình hạ tầng của Thành phố như: xây các cầu vượt ở các giao lộ, phân luồng giao thông, đào đường để lắp đặt cống thoát nước mới phục vụ cho dự án chống ngập của Thành phố,... sẽ làm giảm sút sản lượng bán hàng một cách đáng kể tại các Chi nhánh xăng dầu gần khu vực thi công.
- Công ty phải đầu tư nhiều chi phí cho việc cải tạo bồn bể, đường ống công nghệ,... để triển khai kinh doanh xăng E5 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Nhiều khoản chi phí khác sẽ tiếp tục tăng như: chi phí đóng BHXH, BHYT, BHTN (do tiền lương tối thiểu của Nhà nước tăng), tiền thuê đất, tiền điện,...
- Một số Chi nhánh xăng dầu Công ty hợp tác kinh doanh hết hạn, phải trả lại CNXD nên ảnh hưởng đến sản lượng kinh doanh của Công ty (như: Chi nhánh 19 đã trả lại mặt bằng cho đối tác vào cuối tháng 02/2016).

2. Mục tiêu năm 2016

- Tập trung vào mảng kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu, trong đó chủ yếu là kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Nâng cao thị phần bán lẻ xăng dầu.
- Phát triển hệ thống nhượng quyền thương mại, đại lý bán lẻ xăng dầu.
- Tiếp tục tìm kiếm mặt bằng để phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu.
- Tiếp tục duy trì và khai thác tốt hơn mảng dịch vụ kinh doanh, hợp tác, cho thuê văn phòng, kho bãi.
- Đầu tư công nghệ SXKD và quản lý theo hướng hiện đại.
- Cải tạo, nâng cấp và sửa chữa lớn 2 mặt bằng CNXD số 14 và CNXD số 15.
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực, tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ nhằm đáp ứng nhu cầu bổ sung cán bộ quản lý của Công ty.
- Duy trì và cải tiến hệ thống Quản trị chất lượng toàn diện. Đồng thời thực hiện chuyển đổi hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001:2015.
- Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, cổ đông, đối tác và đảm bảo ổn định công ăn việc làm, thu nhập cho NLĐ.

Phần 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

1.1. Lý lịch HĐQT

▪ **Bà Trương Đức Hạnh : Chủ tịch HĐQT**

Năm sinh : 13/12/1957

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD,
Cử nhân chính trị

Thâm niên trong ngành : 35 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 35 năm (làm việc tại Cty từ 02/1981 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 32 năm

- Tháng 02/1981 : nhân viên phòng Kế hoạch.
- Tháng 02/1984 : Phó phòng Kế hoạch.
- Tháng 9/1986 : Trưởng phòng Kế hoạch.
- Tháng 12/1986 : Phó Giám đốc Công ty.
- Tháng 5/1999 : Giám đốc Công ty.
- Tháng 12/2000 : Chủ tịch HĐQT kiêm TGD.
- Tháng 4/2012 : Chủ tịch HĐQT cho đến nay.

▪ **Ông Nguyễn Ngọc Anh : Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 16/6/1980

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư tự động hóa

Thâm niên trong ngành : 12 năm

- Tháng 6/2004 : Chuyên viên phòng điều độ tại nhà máy chế biến Condensate.
- Tháng 3/2005 : Chuyên viên phòng Kinh doanh tại Xí nghiệp XD Dầu khí Vũng Tàu.
- Tháng 6/2007 : Chuyên viên phòng Kinh doanh Văn phòng Công ty chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu mỏ.
- Tháng 12/2007 : Phó phòng kinh doanh văn phòng Công ty chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu mỏ.
- Tháng 7/2008 : Phó Ban kinh doanh sản phẩm Dầu thuộc Tổng công ty Dầu Việt Nam.
- Tháng 9/2009 : Phó Giám đốc xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh.
- Tháng 12/2009 : Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh.

- Tháng 7/2011 : Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang.
- Tháng 4/2015 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.
- Tháng 7/2015 : Giám đốc Công ty Cp Dầu nhờn Pvoil Lube cho đến nay.

▪ **Ông Trần Minh Hà** : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 30/3/1960
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Cử nhân chính trị
 Thâm niên trong ngành : 19 năm

- Năm 1983 : công tác tại Sở Tài chính tỉnh Cửu Long.
- Năm 1992 : chuyển công tác đến Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh.
- Năm 1994 : làm việc tại Ban Tài chính – Quản trị tỉnh ủy Vĩnh Long.
- Năm 1997 : công tác tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh.
- Tháng 4/2012 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.
- Tháng 6/2014 : Phó TGD tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh cho đến nay.

▪ **Ông Nguyễn Ngọc Liên** : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 16/9/1967
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD
 Cử nhân Anh văn
 Thâm niên trong ngành : 26 năm

- Năm 1990 : công tác tại Công ty Nhập khẩu thiết bị và Kỹ thuật Dầu khí (Petechim nay là Petec).
- Năm 1997 : Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex).
- Năm 2007 : Giám đốc Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (thuộc PDC).
- Năm 2008 : Giám đốc Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Miền Đông (thuộc PV Oil).
- Tháng 9/2011 : Trưởng Ban Sản phẩm Dầu – Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).
- Tháng 4/2012 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.
- Tháng 11/2014 : Chủ tịch HĐQT Công ty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam cho đến nay.

▪ **Ông Phạm Văn Thoại** : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 03/6/1964
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Dầu khí
 Thâm niên trong ngành : 26 năm

- Năm 1989 : công tác tại Bộ phận Công nghệ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái trực thuộc Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).
- Năm 1991 : chuyển công tác sang Tổ cơ khí Nhà máy Lọc dầu Cát Lái.
- Năm 1992 : được bổ nhiệm làm Tổ phó Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái và sau đó là Tổ trưởng Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái.
- Tháng 11/1994 : Phó Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái phụ trách Bộ phận Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái.
- Tháng 12/2004 : Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái cho đến nay.
- Tháng 4/2012 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.

1.2. Cơ cấu HĐQT

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỐ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỐ HỮU	GHI CHÚ
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	- UV HĐQT Cty Cp Vận tải Việt Tín. - UV HĐQT Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam - UV HĐQT Cty Cp Đóng tàu An Phú	57.250	0	TV HĐQT chuyên trách
2	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	GD Công ty Cp Dầu nhờn PV Oil	0	3.500.816	Thay thế Ông Phong từ ngày 20/4/2015
3	Trần Minh Hà	Thành viên	Phó TGD Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh	0	1.350.200	
4	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	- UV HĐQT Tổng Công ty TM KT & ĐT – Công ty Cp (PETEC) - CT HĐQT Công ty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	0	2.000.000	
5	Võ Tấn Phong	Thành viên	- Thành viên HĐTV TCty Dầu Việt Nam - CT HĐQT Tổng Công ty TM KT & ĐT – Công ty Cp (PETEC) - CT HĐQT Cty Cp Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ	0	2.281.950	Thôi làm thành viên HĐQT từ 20/4/2015 do nghỉ hưu
6	Phạm Văn Thoại	Thành viên	GD Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh	0	1.200.000	

1.3. Thay đổi thành viên HĐQT :

ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2014, ngày 20/4/2015 đã thông qua tờ trình về phê chuẩn đơn từ nhiệm và Nghị quyết bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế. Theo đó, ông Nguyễn Ngọc Anh làm ủy viên HĐQT của Công ty với nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2012 – 2016 để thay thế cho ông Võ Tấn Phong (nghỉ hưu theo chế độ).

2. Các tiểu ban thuộc HĐQT : chưa thành lập

3. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2015 có tổng cộng 14 phiên họp của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ, tích cực của các thành viên HĐQT, TGD, Thư ký

Công ty và các thành viên BKS (chỉ có 1 thành viên HĐQT vắng 2 phiên họp và đã ủy quyền cho thành viên HĐQT khác biểu quyết).

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- HĐQT đã có sự phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng thành viên (theo văn bản số 12/HĐQT-VX ngày 22/6/2015 thay thế cho văn bản số 11/HĐQT-VX ngày 22/7/2013) và duy trì chế độ họp định kỳ để xử lý kịp thời các công việc phát sinh, duy trì hoạt động SXKD ổn định. Trong tháng 1/2016 HĐQT đã tổ chức phiên họp kiểm điểm đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT, của BKS và của Ban TGD. Đa số các thành viên HĐQT đều quyết tâm và vì lợi ích Công ty trong mọi hoạt động của mình. Nhìn chung, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Bảng phân công nhiệm vụ trong HĐQT.

3.1. Các cuộc họp của HĐQT

SỐ TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
Từ ngày 01/01/2015 – 20/4/2015					
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	06/06	100	
2	Trần Minh Hà	Thành viên	06/06	100	
3	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	05/06	83	Nghỉ phép đã ủy quyền cho Ông Phong
4	Võ Tấn Phong	Thành viên	06/06	100	
5	Phạm Văn Thoại	Thành viên	06/06	100	
Từ ngày 20/4/2015 – 31/12/2015					
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	08/08	100	
2	Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	08/08	100	
3	Trần Minh Hà	Thành viên	08/08	100	
4	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	07/08	87,5	Đi công tác, đã ủy quyền cho Ông Ngọc Anh
5	Phạm Văn Thoại	Thành viên	08/08	100	

3.2. Các nội dung chính và kết quả của các cuộc họp HĐQT

Năm 2015, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty đã tổ chức 14 phiên họp và thông qua các nội dung chính như sau:

SỐ NQ	NGÀY	NỘI DUNG
01	07/1/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh – Tài chính – Đầu tư năm 2014. - Thông qua Kế hoạch năm 2015 của Công ty. - Thông qua đơn giá tiền lương áp dụng trong Công ty năm 2015. - Thông qua mức đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2015 cho Người lao động trong Công ty. - Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD năm 2014 và chương trình, kế hoạch năm 2015. - Thống nhất xem xét việc bổ nhiệm chức danh Phó TGD Công ty đối với

		<p>Ông Nguyễn Chơn Quang trong phiên họp HĐQT sau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao TGD điều chỉnh, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Công ty theo các góp ý của HĐQT và trình HĐQT thông qua trong phiên họp sau. - Thông qua tờ trình về tiếp tục thuê dịch vụ tư vấn và thực hiện hồ sơ hoán đổi mặt bằng CNXD số 32. - Thông qua việc ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng. - Thông qua tờ trình về bán cổ phiếu thuộc sở hữu của COMECO tại Công ty CP Bến Xe Miền Tây. - Thông qua báo cáo tiến độ thực hiện thủ tục một số mặt bằng. - Thông qua báo cáo tiến độ thực hiện công việc của Tổ xử lý nợ. - Thống nhất miễn nhiệm chức danh Trợ lý Chủ tịch HĐQT đối với bà Trần Thị Hồng Lĩnh (lý do: bà Trần Thị Hồng Lĩnh nghỉ hưu theo chế độ).
02	26/1/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tờ trình về việc bổ sung chức năng kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO). - Thông qua ĐHCĐ bằng thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. - Thông qua báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. - Thống nhất chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 2/2014 - Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông (ngày giao dịch không hưởng quyền). - Giao TGD chủ động tổ chức cho cán bộ chủ chốt đi tham quan, nghỉ dưỡng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sau Tết Nguyên đán năm 2015 nhưng vẫn đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, thông suốt.
03	02/3/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. - Thống nhất việc giới thiệu ông Nguyễn Ngọc Anh, Người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty dầu Việt Nam (PV Oil) tại COMECO làm UV.HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) thay thế ông Nguyễn Ngọc Liên sẽ được thực hiện tại kỳ ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2014 của COMECO vào tháng 4/2015. - Thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Chơn Quang, giữ chức vụ Phó TGD Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO). - Thống nhất cử ông Phạm Văn Khoa – Phó TGD Công ty làm người công bố thông tin của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) (thay bà Trần Thị Hồng Lĩnh nghỉ hưu theo chế độ). - Thông qua kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2014. - Giao TGD tiếp tục theo dõi tình hình thực hiện hợp đồng thanh toán thẻ của COMECO tại Oceanbank và báo cáo HĐQT kịp thời.
04	31/3/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua thời gian và địa điểm ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2014 - Thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2014. - Thông qua Báo cáo thường niên năm 2014
05	06/4/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các văn kiện trình ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2014. - Thống nhất phân công thực hiện các công việc tại ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2014.
06	17/4/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tờ trình về xử lý lô hàng điện tử nhãn hiệu Hyundai Việt Nam. - Thông qua việc ký hợp đồng vay vốn tại các Ngân hàng. - Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận đã sửa đổi, bổ sung để trình ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2014. - Thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2014 đã sửa đổi để trình ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2014. - Thống nhất phân công lại Chủ tọa Đại hội tại ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2014 của Công ty - Chấp thuận đơn từ nhiệm chức danh ủy viên HĐQT của ông Võ Tấn Phong, ngày 16/4/2015 (ông Võ Tấn Phong nghỉ hưu theo chế độ).

		<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tờ trình về phê chuẩn đơn từ nhiệm và Nghị quyết bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế để trình ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2014. - Thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày: 16/6/1980, hộ chiếu số: B1717731 do Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh cấp ngày 27/11/2007, người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil) tại COMECO làm ủy viên HĐQT của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) thay thế cho ông Võ Tấn Phong kể từ ngày 17/4/2015 (ông Võ Tấn Phong nghỉ hưu theo chế độ). - Thống nhất không bố trí chức danh ủy viên HĐQT chuyên trách tại COMECO.
07	19/5/2015	Thông qua tờ trình v/v xử lý bồi thường, hỗ trợ di dời dự án Tổng kho xăng dầu COMECO
08	22/6/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 cho Công ty. - Thống nhất chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 3/2014 là: 5%/VĐL và tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1/2015 là: 10%/VĐL - Thông qua tờ trình v/v giải quyết lô hàng điện tử Hyundai Việt Nam. - Thông qua chủ trương về việc Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) tái ký hợp đồng với Công ty TNHH Total Việt Nam. - Thông qua tờ trình v/v báo cáo kết quả bán cổ phiếu WCS. - Thông qua nội dung phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 – 2016). - Thông qua báo cáo của TGD về các mặt bằng của Công ty.
09	07/8/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty. - Thông qua tờ trình v/v giảm giá lô hàng điện tử Hyundai VN. - Thông qua việc đầu tư mua Trạm xăng dầu Tân Nguyên. - Thông qua Tờ trình v/v mở Chi nhánh và cử người đứng đầu Chi nhánh 44. - Thông qua Tờ trình v/v cử TGD tham dự Chương trình KSTT, Hội nghị Xúc tiến Thương mại – Du lịch đưa hàng hóa vào thị trường Nga năm 2015
10	10/9/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương sử dụng khu đất tại dự án Tổng kho xăng dầu COMECO. - Thông qua chủ trương tìm đối tác để cho thuê, hợp tác liên doanh đầu tư tại khu đất của Kho Thủ Đức. - Thông qua tờ trình về việc đầu tư nâng cấp Chi nhánh 34. - Giao TGD tiếp tục khẩn trương thực hiện hồ sơ pháp lý cho một số mặt bằng của Công ty. - Giao TGD tiếp tục tập trung thực hiện tốt công tác tổ chức Lễ kỷ niệm 40 Năm ngày thành lập Công ty và 15 năm Cổ phần hóa COMECO. - Giao TGD chỉ đạo các phòng, ban nghiên cứu về các nội dung quản trị công ty theo thông lệ quốc tế .
11	06/10/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương trích lợi nhuận sau thuế để hỗ trợ cho các hộ dân còn lại tại khu đất của dự án Tổng kho xăng dầu COMECO. - Thông qua tờ trình v/v cử cán bộ tham dự Hội nghị nhà phân phối tại Nhật Bản. - Thông qua tờ trình v/v PV Oil Sài Gòn xin ý kiến chuyên nhượng 3 lô đất của PV Oil Sài Gòn cho PV Oil.
12	09/11/2015	- Thống nhất chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 2/2015 là 40%/VĐL.

		<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất cử ông Phạm Công Quyền, Kế toán trưởng – Giám đốc Tài chính tham gia làm thành viên BKS tại Công ty Cp Vận tải biển Việt Tín (thay thế ông Đinh Viết Thắng). - Thống nhất cử ông Phạm Công Quyền, Kế toán trưởng – Giám đốc Tài chính làm đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần để tham gia làm thành viên BKS tại Công ty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (thay thế ông Đinh Viết Thắng). - Thống nhất thay đổi thành viên Tổ xử lý nợ. - Giao TGD cùng với các thành viên HĐQT tiếp tục tìm đối tác để triển khai các công việc theo chủ trương sử dụng khu đất tại dự án Tổng kho xăng dầu COMECO theo Nghị quyết số 10- 15/NQ-HĐQT.
13	04/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chờ ý kiến của Saigon Petro về việc mua đầu giá cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa Cao su (RUSCO) chậm nhất vào ngày 07/12/2015. - Thống nhất xem xét lại nội dung liên quan đến Công văn đề nghị gia hạn Hợp đồng của Total trong phiên họp HĐQT vào tuần sau.
14	07/12/2015	Thông qua tờ trình về mua đầu giá cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa Cao su (RUSCO)
15	10/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) tái ký hợp đồng với Công ty TNHH Total Việt Nam (viết tắt là: TVL). - Thống nhất mức đơn giá tiền lương áp dụng trong Công ty năm 2016. - Thông qua mức đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2016 cho Người lao động trong Công ty. - Thông qua việc ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng.

4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập/chuyên trách

Theo các quy định của pháp luật hiện hành, với các Công ty cổ phần niêm yết thì phải tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (gọi tắt là LDN 2014) và Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012. Về tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT độc lập áp dụng theo quy định tại Khoản 2, Điều 151 LDN 2014 và Khoản 3, Điều 2 Thông tư 121/2012/TT-BTC. Nếu xét theo 5 điều kiện của thành viên HĐQT độc lập trong Thông tư 121/2012/TT-BTC thì HĐQT của COMECO có 1 thành viên đáp ứng theo quy định. Đó là Bà Trương Đức Hạnh – Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 - 2016). Tuy nhiên, theo LDN 2014 thì có 1 số điều kiện Bà Trương Đức Hạnh không đáp ứng là thành viên HĐQT độc lập như Khoản 2đ Điều 151 LDN 2014 : “Thành viên độc lập HĐQT không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT của Công ty ít nhất trong 5 năm liền trước đó” (hiện nay pháp luật về chứng khoán chưa có quy định khác cho điều này của LDN 2014).

Như vậy, đối chiếu với LDN 2014 thì Bà Hạnh không còn là thành viên HĐQT độc lập mà chỉ là thành viên HĐQT chuyên trách.

Chủ tịch HĐQT – thành viên HĐQT chuyên trách hoạt động theo quy định của pháp luật, theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo các quy định khác của Công ty.

HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 – 2016) đã phân công nhiệm vụ chính cho Bà Trương Đức Hạnh – Chủ tịch HĐQT (Nghị quyết 13-12/NQ-HĐQT ngày 29/6/2012 và Nghị quyết 08-15/NQ-HĐQT ngày 22/6/2015) như sau:

- Lãnh đạo, quản lý điều hành chung mọi hoạt động của HĐQT.
- Chịu trách nhiệm chung mọi công việc của HĐQT.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT.

- Tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và các nhiệm vụ của HĐQT.
- Phụ trách chung các lĩnh vực: chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; phụ trách chung công tác nhân sự và công tác quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực; phụ trách chung lĩnh vực lương thưởng của Công ty.
- Phụ trách công tác xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý.

Năm 2015, với vai trò là thành viên HĐQT chuyên trách, Bà Trương Đức Hạnh – Chủ tịch HĐQT đã tổ chức tốt các phiên họp định kỳ và đột xuất để triển khai toàn bộ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và ban hành các Nghị quyết của HĐQT : đưa ra các định hướng, chủ trương đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch, công khai.

Bên cạnh đó, Chủ tịch HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện một cách khách quan giúp hoạt động của HĐQT ngày càng hiệu quả hơn dựa trên lợi ích chung của toàn Công ty, đảm bảo được quyền lợi của Nhà nước, cổ đông và NLD cũng như bảo vệ sự công bằng cho cổ đông nhỏ.

Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch HĐQT làm việc với TGD để trực tiếp đưa ra những chỉ đạo trong công tác SXKD và quản lý. Chủ tịch cùng với các thành viên HĐQT khác đã tạo điều kiện, đồng thời giám sát hoạt động của TGD để TGD thực hiện tốt các Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Chủ tịch HĐQT cũng đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho TGD thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành Công ty để Công ty hoàn thành kế hoạch năm 2015.

5. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: chưa thành lập

6. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: 9/9 người.

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

1.1. Lý lịch BKS

BKS gồm 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành:

▪ **Ông Lê Văn Nghĩa** : **Trưởng BKS**

Năm sinh : 05/7/1966

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán.

Thâm niên trong ngành : 6 năm

- Tháng 5/1990 : công tác tại Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy Việt Nam (Bộ GTVT) với các chức danh Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình Đường thủy Miền Trung) và Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình 86).

- Tháng 10/2000 : chuyển công tác sang Bộ Tài chính và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra, sau đó làm Phó Trưởng Thanh tra Bộ Tài chính tại Tp.Hồ Chí Minh.

- Tháng 5/2007 : làm việc tại Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Hồ Chí Minh), phụ trách Phòng Kế hoạch & Tiền Lương, sau đó là Trưởng phòng Thẩm định & Quản lý rủi ro.
- Tháng 9/2010 : làm việc tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Chi nhánh Hồ Chí Minh) với chức danh Phó GD.
- Tháng 02/2011 : công tác tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ.
- Tháng 8/2012 : Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ PV Oil cho đến nay.
- Tháng 4/2012 : Trưởng BKS COMECO cho đến nay.

▪ **Bà Trần Thị Phương Khanh : Ủy viên BKS.**

Năm sinh : 21/9/1973

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán,
Cử nhân Luật.

Thâm niên trong ngành : 17 năm

- Năm 1995 : Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán A&C.
- Năm 1999 : nhân viên Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh.
- Năm 2001 : Phó phòng Tài chính Kế toán.
- Tháng 4/2012 : Ủy viên BKS COMECO cho đến nay.
- Tháng 11/2015 : Quyền Kế Toán Trưởng cho đến nay.

▪ **Bà Nguyễn Cát Phương Yên : Ủy viên BKS.**

Năm sinh : 25/10/1983

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Anh Văn,
Cử nhân QTKD.

Thâm niên trong ngành : 7 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 7 năm (làm việc tại Công ty từ 6/2009 đến nay)

- Năm 2007 : nhân viên điều phối Marketing, Công ty TNHH Son Seamaster (Việt Nam).
- Năm 2008 : Trợ lý kinh doanh Công ty TNHH Tài Ngân.
- Năm 2009 : nhân viên QTCLTD Cty Cp Vật tư – Xăng dầu (COMECO).
- Tháng 4/2011 : Trợ lý HĐQT.
- Tháng 4/2012 : Ủy viên BKS COMECO và Thư ký Công ty cho đến nay.
- Tháng 12/2013 : Phó Ban QTCLTD cho đến nay.

1.2. Cơ cấu BKS

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU
1	Lê Văn Nghĩa	Trưởng ban	Trưởng Ban KS nội bộ Tổng Cty Dầu Việt Nam	10	0

2	Trần Thị Phương Khanh	Thành viên	Quyền Kế toán trưởng Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM	0	1.200.000
3	Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên		0	0
TỔNG CỘNG				10	1.200.000

2. Hoạt động của BKS

Năm 2015, BKS đã tiến hành thực hiện các công việc sau:

- Xem xét việc thực hiện các kiến nghị của BKS trong năm tài chính trước (2014).
- Thống kê các quy chế, quy định được ban hành bởi HĐQT và Ban điều hành có thay đổi, mới ban hành hay hết hiệu lực trong năm 2015 và việc áp dụng thực hiện các quy định hiện hành tại Công ty.

- Thẩm tra lại báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty: Định kỳ soát xét báo cáo tài chính và kết quả hoạt động SXKD, cũng như xem xét việc thực hiện các chủ trương ĐHĐCĐ và HĐQT, xem xét tình hình thực hiện kế hoạch của công ty đã được ĐHĐCĐ giao.

- Xem xét tình hình hoạt động kinh doanh, chi phí kinh doanh.
- Kiểm tra việc thực hiện và quản lý công nợ bán hàng.
- Theo dõi hiệu quả đầu tư tài chính tại các Công ty cổ phần. Kiến nghị Ban điều hành thường xuyên theo dõi đánh giá phân tích, nhận định tình hình thị trường chứng khoán, xây dựng phương án thoái vốn đối với các khoản đầu tư tài chính không hiệu quả, thu hồi vốn đầu tư.

- Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT cùng với Ban Điều hành, qua đó nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình quản trị điều hành, kết quả hoạt động SXKD của Công ty. BKS kịp thời có ý kiến góp ý về phương hướng hoạt động, về việc chấp hành luật pháp, chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

3. Các ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát

3.1. Về công tác kế toán – tài chính

- Sau khi xem xét, thẩm tra, BKS đồng ý với Báo cáo kiểm toán số 100/BCKT/TC ngày 09 tháng 3 năm 2016 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Vật tư – Xăng dầu (đính kèm).

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý.

- Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin kịp thời theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3.2. Về hoạt động của HĐQT và TGD

3.2.1 HĐQT

- HĐQT đã tổ chức triển khai toàn bộ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và ban hành các Nghị quyết chỉ đạo thực hiện đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT; có nội dung phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- BKS nhận định HĐQT trong năm 2015 đã hoàn thành tốt trách nhiệm điều hành của mình theo Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật có liên quan.

3.2.2 Ban điều hành

- Công tác quản lý và điều hành của Ban điều hành Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Trong năm 2015, Ban điều hành phối hợp với HĐQT Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao cho. Thể hiện qua các chỉ tiêu đạt được của Công ty như sau:

+ LNST 100,001 tỷ đạt 333% so với kế hoạch được giao và vượt 237,99% so với thực hiện của năm 2014.

+ Sản lượng xăng dầu tiêu thụ tăng 5,38% so với năm 2014.

+ Nộp ngân sách nhà nước là 81,52 tỷ tăng 241,27% so với thực hiện năm 2014.

III. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGD

- HĐQT, BKS và Ban TGD Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.

- Trong các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của đầy đủ của các thành viên BKS, TGD và Thư ký Công ty. Các ý kiến thảo luận của BKS, TGD đều được ghi nhận và đánh giá cao tinh thần góp ý cho các hoạt động của Công ty.

- Những nội dung Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến hoạt động của BKS và điều hành của Ban TGD được gửi đến BKS và Ban TGD để cùng phối hợp thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS và Ban TGD có quyền và có trách nhiệm đề xuất với HĐQT những giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Ban TGD thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty kịp thời cho HĐQT ra các Nghị quyết thực hiện hiệu quả.

IV. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

1. Thù lao cho HĐQT và BKS

Năm 2015, đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua ngày 20/4/2015 như sau:

- Thù lao cho HĐQT : 300.000.000 đ (BQ: 5 triệu đồng/người/tháng)

- Thù lao cho BKS : 108.000.000 đ (BQ: 3 triệu đồng/người/tháng)

Tổng cộng năm 2015 : 408.000.000 đ.

(Mức thù lao trên bằng các năm trước)

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2015	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2015	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
I	Hội đồng quản trị								
1	Trương Đức Hạnh	CT HĐQT		57.250	0	0	57.250	0,41	
	<i>Cá nhân</i>								
	Trương Kỳ Đức		Cha ruột						
	Lê Thị Thanh Quý		Mẹ ruột						Đã mất
	Trương Đức Thọ		Em ruột						Đã mất
	Trương Đức Phương		Em ruột	10	0	0	10	0,000	
	Nguyễn Quốc Hải		Con ruột						
	Nguyễn Quốc Việt		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Cty Cp Vận tải Việt Tín	UV HĐQT							
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	UV HĐQT							
	Cty Cp Đóng tàu An Phú	UV HĐQT							
2	Nguyễn Ngọc Anh	UV HĐQT		0	3.500.816	0	3.500.816	25,43	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân</i>								
	Bùi Thị Tiên		Vợ						
	Nguyễn Văn Bá		Cha ruột						
	Lê Thị Phước		Mẹ ruột						
	Nguyễn Đăng Khoa		Anh ruột						
	Nguyễn Ngọc Lan		Em ruột						
	Nguyễn Ngọc Huy Anh		Con ruột						
	Nguyễn Tuấn Anh		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Tổng công ty Dầu VN (**)			6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
	Công ty Cp Dầu nhờn PVOillube	Giám đốc							
3	Trần Minh Hà	UV HĐQT		1.350.200	0	0	1.350.200	9,56	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân</i>								
	Trần Văn Hoàng		Cha ruột						
	Lê Thị Ngọc Huệ		Mẹ ruột						Đã mất
	Trần Minh Hải		Anh ruột						
	Trần Thị Ngọc Bích		Em ruột						
	Nguyễn Thị Minh Đức		Vợ						
	Trần Minh Duy		Con ruột						
	Trần Minh Đức Duy		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (*)	Phó TGD		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
4	Nguyễn Ngọc Liên	UV HĐQT		2.000.000	0	0	2.000.000	14,16	Đại diện sở hữu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2015	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2015	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	<i>Cá nhân</i>								
	Nguyễn Ngọc Cư		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Mẹ ruột						
	Nguyễn Thị Việt Nga		Em ruột						
	Nguyễn Thị Thu Thanh		Vợ						
	Nguyễn Ngọc Liên Anh		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Anh		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Tổng công ty Dầu VN (**)			6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
	Tổng Cty TM KT & ĐT – Cty Cp Petec	UV HĐQT							
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	CT HĐQT							
5	Phạm Văn Thoại	UV HĐQT		1.200.000	0	0	1.200.000	8,50	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân</i>								
	Phạm Văn Hoa		Cha ruột						Đã mất
	Đoàn Thị Bon		Mẹ ruột						
	Phạm Văn Thông		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thái		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thúy		Chị ruột						
	Phạm Văn Thành		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thoa		Chị ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thắng		Em ruột						
	Phạm Thị Phương Thảo		Em ruột						
	Ng Thị Hồng Hạnh		Vợ						
	Phạm Gia Bảo		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (*)	GĐ NM Lọc dầu Cát Lái		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
II	Ban TGD, Người công bố thông tin								
1	Lê Tấn Thương	TGD		118.820	7.020	0	125.840	0,89	
	Lê Phụng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Lê Thị Văn		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột						
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,27	
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD,		1.950	0	0	1.950	0,014	

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2015	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2015	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
		người CBTT							
	<i>Cá nhân</i>								
	Phạm Văn Chánh		Cha ruột						
	Thái Ca Siêu		Mẹ ruột						
	Lê Thị Hồng Anh		Vợ	280	0	0	280	0,002	
	Phạm Lê Anh Khôi		Con ruột						
	Phạm Thị Hạnh Khuê		Con ruột						
	Phạm Thị Kim Hồng		Chị ruột						
	Phạm Thị Kim Nhung		Chị ruột						
	Phạm Công Sứ		Anh ruột						
	Phạm Công Sờ		Anh ruột						
	Phạm Công Huân		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Thủy		Chị ruột						
	Thái Thị Hồng Lan		Chị ruột						
	Phạm Thị Lan Anh		Chị ruột						
	Phạm Văn Học		Em ruột						
3	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGD		0	4.740	0	4.740	0,034	
	Nguyễn Chơn Trung		Cha ruột						
	Đỗ Ngọc Trinh		Mẹ ruột						
	Nguyễn Ngọc Thùy Chi		Vợ						
	Nguyễn Chơn Quý Tùng		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Như Tâm		Con ruột						
	Nguyễn Kiên Trung		Em ruột						
III	Kế toán trưởng								
1	Phạm Công Quyền	GDTC – KTT		100.255	0	0	100.255	0,710	
	<i>Cá nhân</i>								
	Phạm Công Đào		Cha ruột						Đã mất
	Huỳnh Thị Thoa		Mẹ ruột						Đã mất
	Phạm Chí Thành		Anh ruột						
	Phạm Chí Toại		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Thị Phương		Chị ruột						
	Phạm Thị Hằng Nga		Chị ruột						
	Phạm Công Danh		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Dung		Em ruột						
	Vũ Bích Ngọc		Vợ						
	Phạm Công Tuấn Kiệt		Con ruột						
	Phạm Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Phạm Công Tuấn Kiên		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	UV BKS							

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MÔI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2015	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2015	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
IV	Ban Kiểm Soát, Thư ký Công ty								
1	Lê Văn Nghĩa	Trưởng BKS		10	0	0	10	0,00007	
	<i>Cá nhân</i>								
	Lê Văn Dũng		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Lê		Mẹ ruột						
	Lê Thị Liên		Chị ruột						
	Lê Văn Quân		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Hà		Vợ						
	Lê Đức Trung		Con ruột						
	Lê Đức Hiệp		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN (**)	Trưởng Ban KS nội bộ		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
2	Trần Thị Phương Khanh	UV.BKS		1.200.000	0	0	1.200.000	8,50	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân</i>								
	Trần Văn Trọng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Lài		Mẹ ruột						
	Trần Thị Phương Thảo		Chị ruột						
	Trần Thị Phương Dung		Em ruột						
	Đoàn Thanh Việt		Chồng						
	Đoàn Khánh Quỳnh		Con ruột						
	Đoàn Hải Đăng		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (*)	Quyền KTT		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
	Công ty CP Dầu khí Saigon Phú Yên	Trưởng Ban Kiểm soát							
3	Ng Cát Phương Yên	UV.BKS, Thư ký Cty	0	0	0	0	0		
	Nguyễn Minh Thuận		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Đẹp		Mẹ ruột						
	Nguyễn Vĩnh Duy		Anh ruột						
	Nguyễn Trọng Tuyên		Em ruột						
	Nguyễn Đắc Luân		Em ruột						

Ghi chú:

- (*): Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu tổng cộng 5.598.757 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Trần Minh Hà (UV HĐQT COMECO) 1.350.200 cp, ông Phạm Văn Thoại (UV HĐQT COMECO) 1.200.000 cp, bà Trần Thị Phương Khanh (UV BKS COMECO) 1.200.000 cp; số còn lại (1.848.557 cp) Saigon Petro không ủy quyền.
- (**): Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) sở hữu tổng số 6.325.016 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Nguyễn Ngọc Liên (UV HĐQT

COMECO) 2.000.000 cp, ông Nguyễn Ngọc Anh (UV HĐQT COMECO) 3.500.816; số còn lại (824.200 cp) PV Oil không ủy quyền.

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

Phần 6

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I. QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CHẤT THẢI

COMECO ban hành hướng dẫn kiểm soát chất thải để theo dõi phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải từ COMECO đến điểm xử lý thích hợp của đơn vị có chức năng, được cấp phép hoạt động. Hướng dẫn cũng nhằm cung cấp thông tin cần thiết để ngăn ngừa và giảm thiểu tối đa việc phát sinh tác động nguy hại của chất thải nguy hại đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo qui định pháp luật, giúp bảo vệ môi trường tốt hơn.

Tại văn phòng Công ty, CNXD, Xưởng trụ bơm đều được trang bị các loại thùng rác và nhãn nhận biết. Rác thải rắn được để riêng từng loại trước khi cho vào thùng.

1. Chất thải không nguy hại, rác sinh hoạt (còn gọi là chất thải thông thường)

Chất thải rắn không nguy hại, chất thải sinh hoạt được CNXD giao cho nơi thu gom địa phương.

2. Chất thải nguy hại

Chất thải rắn nguy hại được giao cho nhà thầu thu gom rác có chức năng và được cấp phép hoạt động (Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp.Hồ Chí Minh). Khi đến CNXD thu rác, người phụ trách xem số xe, nếu đúng như số ghi trong giấy phép thu gom thì mới giao rác. Công ty theo dõi việc đưa rác thải rắn đến điểm xử lý thích hợp, nhận hợp đồng liên 5 và liên 6, giao liên 6 cho cơ quan Nhà nước. Định kỳ hàng năm, Công ty lập báo cáo kết quả thu gom, xử lý chất thải gửi về Cơ quan chức năng.

3. Chất thải khí

Công ty đã lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu cho các CNXD. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức đo kiểm các chỉ tiêu định kỳ 6 tháng/ lần do cơ quan Nhà nước thực hiện; kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt theo quy định của pháp luật.

4. Nước thải

Công ty đầu tư xây dựng hệ thống hố gạn dầu để xử lý nước thải trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước công cộng. Ngoài ra, Công ty duy trì thực hiện vệ sinh hố gạn dầu định kỳ 1 tuần/ lần. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải CNXD do cơ quan Nhà nước thực hiện đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

II. KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

1. Nhận diện khía cạnh, môi trường, mối nguy an toàn

Công ty thiết lập Thủ tục nhận diện khía cạnh, môi trường, mối nguy an toàn sức khỏe để qui định trình tự và cách thức nhận diện những khía cạnh môi trường và các mối nguy; xác định mức độ rủi ro, các tác động môi trường đáng kể và các yêu cầu của pháp luật. Từ đó đề ra các biện pháp kiểm soát thích hợp, các hành động khắc phục kịp thời nhằm: giảm thiểu các tác động có hại đến môi trường; phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra; đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của pháp luật; tạo môi trường làm việc sạch sẽ, an toàn cho NLĐ, người ngoài vào làm việc, công tác tại COMECO.

2. Công tác an toàn PCCC, ứng phó tình huống khẩn cấp

Công ty xây dựng Thủ tục ứng phó tình huống khẩn cấp để thiết lập cơ sở nhận dạng, xác định các sự cố tiềm ẩn và trình tự ứng phó với tình huống khẩn cấp có thể xảy ra nhằm đề phòng và hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng của tình trạng này đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp. Hàng năm, các CNXD lựa chọn tình huống khẩn cấp được nêu trong Thủ tục để tiến hành diễn tập (giả định) tạo cho toàn thể NLD ý thức và thuận thực trong hoạt động ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp. Kết quả diễn tập ghi nhận lại vào biên bản diễn tập để rút kinh nghiệm.

3. Kết quả đo môi trường, vi khí hậu

Định kỳ 6 tháng/ lần, Công ty mời cơ quan Nhà nước đến đo kiểm các chỉ tiêu vi khí hậu, môi trường làm việc và các chỉ tiêu nước thải CNXD. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật. Kết quả này được lập thành báo cáo giám sát môi trường và gửi về cơ quan Nhà nước định kỳ 6 tháng/ lần.

4. An toàn lao động

Công tác an toàn lao động tại nơi làm việc luôn được quan tâm. Trong năm 2015, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động, không có NLD bị bệnh nghề nghiệp. Các chỉ số về môi trường làm việc luôn được đo đạc định kỳ và nằm trong giới hạn cho phép.

4.1. Đội sơ cứu ban đầu, an toàn vệ sinh viên

Mạng lưới sơ cấp cứu viên và an toàn vệ sinh viên được bố trí đảm bảo tại các đơn vị trong toàn hệ thống CNXD của COMECO. Đội sơ cấp cứu và an toàn vệ sinh viên được bồi dưỡng và tiếp tục đào tạo mới, nâng tổng số sơ cấp cứu viên là 300 người; an toàn vệ sinh viên là 276 người.

4.2. Trang bị bảo vệ cá nhân

Định kỳ hàng năm Công ty trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo Thỏa ước lao động Tập thể bao gồm quần áo, giày, nón vải,... Tổng số tiền trang bị là: 255.124.000 đồng

4.3. Đào tạo kiến thức về an toàn lao động, Sơ cấp cứu, kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động

Công tác đào tạo định kỳ về nghiệp vụ an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu, an toàn vệ sinh viên được thực hiện vào quý IV/2015 cho toàn thể NLD theo hướng dẫn của Pháp luật. Qua các buổi đào tạo NLD nắm rõ thêm về các quy định của Pháp luật đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; quyền và nghĩa vụ của NLD; có kiến thức cơ bản về công tác đảm bảo an toàn, sơ cấp cứu tạm thời; ...

III. CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NLD

1. Khám sức khỏe định kỳ

Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLD tại các bệnh viện lớn, có uy tín. Trong năm 2015, tổng số người khám sức khỏe định kỳ là 525 người (trong đó có 9 lao động mới tuyển chưa đủ tiêu chuẩn khám sức khỏe định kỳ); chi phí khám sức khỏe cho người lao động là 99.210.100 đồng. Phân loại sức khỏe (theo quy định của Bộ Y Tế): loại 1 là 21 người; loại 2 là 273 người; loại 3 là 181 người; loại 4 là 45 người; loại 5 là 5 người. Chất lượng sức khỏe của NLD được cải thiện, những

trường hợp NLD sức khỏe chưa đạt, Công ty có lộ trình hướng dẫn NLD điều trị cải thiện để đảm bảo sức khỏe làm việc.

2. Khám bệnh nghề nghiệp

Hàng năm, Công ty tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho đối tượng lao động trực tiếp tại các CNXD như khám nhiễm độc hóa chất nghề nghiệp (benzen): 2 lần/ năm; sạm da nghề nghiệp: 1 lần/năm; khám nốt dầu nghề nghiệp cho đối tượng công nhân kỹ thuật, công nhân sửa chữa, rửa xe: 1 lần/ năm. Tổng số tiền tổ chức khám bệnh nghề nghiệp năm 2015: 380.708.000 đồng. Kết quả không có NLD bị bệnh nghề nghiệp, các chỉ số sức khỏe nằm trong giới hạn bình thường.

3. Cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu

Định kỳ đầu mỗi quý trong năm, Công ty tổ chức cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu cho các đơn vị. Luôn đảm bảo số lượng và chất lượng thuốc tại các đơn vị đúng theo quy định. Tổng số tiền trang bị: 19.243.000 đồng.

4. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống

Công ty ký Hợp đồng cung cấp nước uống với đơn vị cung cấp nước uống Choliwa cho toàn Công ty. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống định kỳ 6 tháng/ lần tại Viện y tế công cộng Tp.Hồ Chí Minh đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 6-1:2010/BYT do Bộ Y tế ban hành.

5. Bồi dưỡng sữa

Theo Thông tư số 25/2013/TTLT-BLĐTBXH- BYT, COMECO không phải bồi dưỡng hiện vật cho NLD vì kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu về môi trường, vi khí hậu của Công ty năm 2015 đều đạt. Tuy nhiên, để bồi dưỡng và tăng cường sức khỏe cho NLD, Công ty vẫn tiếp tục duy trì trợ cấp sữa hàng tháng 7 hộp sữa/người cho những NLD tiếp xúc trực tiếp với xăng dầu như: công nhân bơm xăng; công nhân lái xe bồn, công nhân bơm xăng kiêm kế toán, công nhân lắp ráp, sửa chữa trụ bơm.....

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Công ty thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ hưu trí của Công ty và trách nhiệm đối với cộng đồng như: thăm hỏi và tặng quà tết, ủng hộ giúp đỡ cho các trung tâm người già neo đơn, trẻ em tàn tật và người nghèo, học sinh nghèo hiếu học; xây nhà tình thương ở tỉnh Quảng Nam, Bến Tre, huyện Cần Giò; ủng hộ giúp đỡ nạn nhân chất độc màu da cam Quận 3; đóng góp 1 ngày lương cho “Quỹ xã hội năm 2015”; ủng hộ 01 máy photocopy cho Trường Võ Thị Sáu (Côn Đảo); ủng hộ Quỹ vì người nghèo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Phường 10, Quận 3; ủng hộ Quỹ vì người nghèo của TPHCM; Quỹ vì người nghèo của Quận 3; Quỹ vì người nghèo của Phường 3, Quận 3 nhân dịp Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty,.... với tổng số tiền **578.380.342 đồng**.

V. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1. Kiểm soát nguồn nhân lực

1.1. Tuyển dụng

Trong năm 2015, Công ty tuyển dụng 32 lao động để đảm ứng kịp thời cho các lao động nghỉ hưu, chuyển công tác, mở rộng thêm các CNXD. Đội ngũ lao động tuyển dụng ngày càng trẻ hóa, có kinh nghiệm, đáp ứng các yêu cầu của Công ty.

1.2. Đào tạo

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác đào tạo cán bộ trẻ. Năm 2015, Công ty đã tổ chức đào tạo được 1.573 lượt người, đạt 315% so với kế hoạch. Tập trung đào tạo và cử đi đào tạo về pháp luật cho đội ngũ cán bộ quản lý (Pháp luật về lao động, Pháp luật hợp đồng và những điểm mới trong luật Doanh nghiệp năm 2015); đào tạo và cử đi đào tạo về chuyên môn cho cán bộ quản lý, cán bộ trẻ (Đào tạo chương trình Giám đốc Nhân sự; nghiệp vụ đấu thầu,...), các lớp nhận thức cơ bản về ISO 9001:2015, đồng thời cũng tập trung đào tạo cho lao động mới về nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, phòng cháy chữa cháy; phổ biến truyền đạt Văn hóa COMECO.

- Qua đó, trình độ và kiến thức của đội ngũ người lao động được nâng lên rõ rệt, đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao của Công ty.

1.3. Quy hoạch

Công tác quy hoạch cán bộ được Công ty thường xuyên quan tâm và thực hiện. Trong năm 2015, Công ty đã quy hoạch và đào tạo được 14 cán bộ quản lý Ban điều hành, Giám đốc bộ phận, trưởng ban và 9 cán bộ quy hoạch khối Chi nhánh. Nguồn nhân lực có chất lượng cao được Công ty tập trung đào tạo, giao nhiệm vụ để hoàn thiện kỹ năng và có thể đáp ứng những chức vụ cao hơn.

1.4. Bổ nhiệm

Công tác bổ nhiệm được Công ty xem xét và thực hiện theo các tiêu chuẩn đã được quy định trong TT-62.COM. Trong năm 2015, Công ty bổ nhiệm được 01 Phó TGĐ; 01 GD bộ phận; 01 Phó GD bộ phận; 02 Trưởng CN; 05 Phó CN; 01 Phó phụ trách CN; 04 Kế toán CN.

Số cán bộ được bổ nhiệm đã phát huy được năng lực chuyên môn vào công việc và thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao.

Công tác tổ chức bộ máy được cải tiến, thực hiện việc sắp xếp cán bộ quản lý tương đối phù hợp, phát huy đúng khả năng của từng cán bộ; công tác đào tạo và bồi dưỡng đã đạt được những kết quả nhất định cả về nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ. Công tác quản lý ngày càng chặt chẽ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả của Công ty.

2. Chính sách đối với NLD

2.1. Lương, thưởng

Việc làm và đời sống của toàn thể NLD đã được duy trì trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn như hiện nay. Thu nhập bình quân của NLD năm 2015 là: 11.764.331 đồng/người/tháng; tăng 37% so với năm 2014. Trong các dịp Lễ, Tết, Công ty cũng có những khoản chi thưởng cho người lao động.

Công ty trả lương hàng tháng cho NLD đúng thời gian như đã cam kết với NLD trong Thỏa ước lao động tập thể, chia làm 2 đợt như sau:

+ Đợt 1: tạm ứng lương từ ngày 20 – 25 (Dương lịch) của tháng;

+ Đợt 2: thanh toán tiền lương từ ngày 10-15 (Dương lịch) của tháng sau liền kề.

- Trong các dịp Lễ, Tết, Công ty cũng có những khoản chi thưởng cho người lao động.

2.2. Bảo hiểm

Các chế độ, chính sách, bảo hiểm của người lao động được thực hiện thường xuyên, liên tục và đúng thời hạn. Việc giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ hưu được thực hiện đầy đủ cho người lao động. Không có trường hợp khiếu nại về chế độ chính sách.

2.3. Phúc lợi

- Ngoài sự quan tâm về vật chất, Công ty còn tổ chức cho người lao động và thân nhân đi nghỉ dưỡng; tham quan trong nước và nước ngoài.

- Hoán chuyển lao động về làm việc gần nhà để tạo điều kiện thuận lợi cho Người lao động, góp phần giảm ùn tắc giao thông của Thành phố đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp ca kíp của các cửa hàng.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ các phương tiện về an toàn bảo hộ lao động.

3. Phát huy dân chủ

Công ty thực hiện tốt Quy chế Thực hiện Đối thoại định kỳ tại Công ty; Quy chế Thực hiện Hội nghị NLD; Quy chế Thực hiện Dân chủ tại Công ty

3.1. Lãnh đạo Công ty tiếp NLD vào mỗi sáng thứ hai tuần cuối tháng.

Thứ hai tuần cuối tháng hàng kỳ lãnh đạo Công ty tiếp NLD tại Văn phòng Công ty. Qua đây, NLD có thể trực tiếp trao đổi với Lãnh đạo Công ty về các ý kiến của bản thân và được Lãnh đạo Công ty ghi nhận và xem xét giải quyết thỏa đáng.

3.2. Sáng kiến – Giải pháp mới

Phong trào Sáng kiến, Giải pháp mới được Công ty duy trì thực hiện thường xuyên từ năm 2007 đến nay. Tổng số Giải pháp mới năm 2015 là 41 Giải pháp mới, nâng số Sáng kiến, Giải pháp mới từ 2007 – 2015 là 550 Sáng kiến, Giải pháp mới và nhiều ý kiến đóng góp khác.

Các ý kiến của NLD được tổng hợp qua nhiều kênh thông tin như: cá nhân người lao động; trong các cuộc họp giao ban, Hội nghị người lao động,... Các ý kiến đều được ghi nhận và khen thưởng kịp thời; đồng thời các ý kiến đã góp phần tăng năng suất lao động, xây dựng phát triển văn hóa, thương hiệu COMECO; tiết kiệm chi phí,...

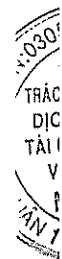
Phần 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
(COMECO)**

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 17 ngày 27/05/2013.

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ôn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômat), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc Lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

Trụ sở chính của Công ty tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Bà Trương Đức Hạnh	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Liên	Ủy viên
Ông Võ Tấn Phong	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Ủy viên
Ông Phạm Văn Thoại	Ủy viên

Đến ngày 17/04/2015

Từ ngày 17/04/2015

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Tấn Thương
Bà Trần Thị Hồng Lĩnh
Ông Nguyễn Chơn Quang
Ông Phạm Văn Khoa

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Đến ngày 01/01/2015
Từ ngày 03/03/2015

Ban kiểm soát

Ông Lê Văn Nghĩa
Bà Trần Thị Phương Khanh
Bà Nguyễn Cát Phương Yên

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

TP.HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



LÊ TẤN THƯƠNG

TP.HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



LÊ TẤN THƯƠNG

U
H
A
V
A
N
T
H
A
N
H
C
H
I



Số: 100/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO), được lập ngày 22/02/2016, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

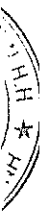
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2016

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

P. Giám đốc



Nguyễn Thị Cúc
Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0700-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Nga
Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
1266-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176.999.543.157	155.371.025.502
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	77.339.052.158	37.888.304.568
1. Tiền	111		77.339.052.158	37.888.304.568
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	11.637.349.600	11.687.222.900
1. Chứng khoán kinh doanh	121		15.793.410.000	16.481.160.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4.156.060.400)	(4.793.937.100)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.309.661.478	30.520.468.396
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	50.583.115.378	56.950.770.632
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.300.000	1.549.387.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	602.192.100	2.302.960.364
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(38.878.946.000)	(30.282.649.600)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	70.885.725.114	70.252.490.415
1. Hàng tồn kho	141		70.885.725.114	70.252.490.415
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.827.754.807	5.022.539.223
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	651.116.152	992.898.876
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.176.638.655	4.029.640.347
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		272.381.294.138	273.039.050.557
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		590.000.000	590.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	590.000.000	590.000.000
II. Tài sản cố định	220		194.888.242.386	195.090.194.137
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	113.932.082.045	113.107.524.998
- Nguyên giá	222		171.181.175.783	166.011.634.803
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.249.093.738)	(52.904.109.805)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	80.956.160.341	81.982.669.139
- Nguyên giá	228		88.204.845.334	87.533.735.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.248.684.993)	(5.551.066.195)

0305
C
TRÁCH
DỊCH
TÀI C/
VÀ
N
T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		62.182.835.734	61.966.906.027
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	62.182.835.734	61.966.906.027
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	13.747.203.845	14.257.950.393
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.000.000.000	10.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.365.774.000	14.365.774.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.618.570.155)	(10.107.823.607)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		973.012.173	1.134.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	973.012.173	1.134.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		449.380.837.295	428.410.076.059

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.647.796.003	39.732.334.732
I. Nợ ngắn hạn	310		52.295.370.998	38.379.909.727
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.082.192.445	2.369.043.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.832.206.781	5.845.260.819
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	17.991.411.095	4.449.513.117
4. Phải trả người lao động	314		16.678.655.278	13.849.408.396
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	-	1.975.473.623
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	8.314.365.591	8.039.790.553
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.396.539.808	1.851.419.816
II. Nợ dài hạn	330		1.352.425.005	1.352.425.005
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	1.352.425.005	1.352.425.005
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		395.733.041.292	388.677.741.327
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	395.733.041.292	388.677.741.327
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.484.038.434	135.484.038.434
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		21.242.445.149	21.242.445.149
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		60.371.814.115	54.069.113.092
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.428.463.594	36.675.864.652
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.438.409.347	11.022.785.019
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.990.054.247	25.653.079.633
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		449.380.837.295	428.410.076.059

Người lập biểu



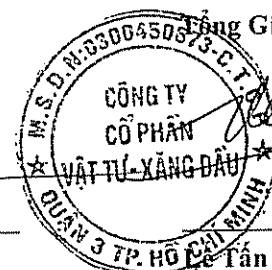
Nguyễn Hữu Hoàng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng



Phạm Công Quyền



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tấn Thương

Y. C. T.
 NHẬN
 VẤN
 TOÁN
 KẾT
 CHẤM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.208.484.685.099	5.457.433.337.337
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	2.255.499.997
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.208.484.685.099	5.455.177.837.340
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.913.345.850.583	5.272.379.325.892
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		295.138.834.516	182.798.511.448
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7.038.058.162	10.196.206.817
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	446.347.626	5.262.992.842
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		573.477.778	3.401.775.927
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	147.908.844.336	113.606.222.865
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	26.448.135.714	22.885.122.006
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		127.373.565.002	51.240.380.552
11. Thu nhập khác	31	VI.7	465.443.254	15.547.089
12. Chi phí khác	32	VI.8	24.262.606	38.301.652
13. Lợi nhuận khác	40		441.180.648	(22.754.563)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		127.814.745.650	51.217.625.989
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	27.813.551.403	9.199.619.173
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		100.001.194.247	42.018.006.816
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	6.374	2.708

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hoàng

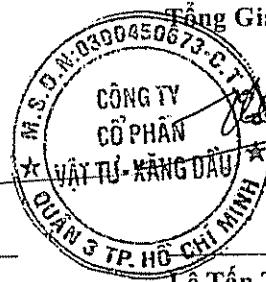
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng



Phạm Công Quyền

Tổng Giám đốc



Lê Tấn Thương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		127.814.745.650	51.217.625.989
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.219.189.987	6.404.841.360
- Các khoản dự phòng	03		8.469.166.248	10.488.402.515
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.305.805.499)	(10.163.252.812)
- Chi phí lãi vay	06		573.477.778	3.401.775.927
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		141.770.774.164	61.349.392.979
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		9.467.512.210	26.580.737.046
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(633.234.699)	138.245.276.488
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		12.020.522.106	6.499.671.473
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		502.770.551	894.320.022
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		687.750.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(573.477.778)	(3.401.775.927)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.463.820.230)	(7.372.193.280)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.852.880.690)	(3.561.465.484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		131.925.915.634	219.233.963.317
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.978.204.606)	(4.919.464.988)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		782.434.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.256.686.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.268.408.162	10.196.206.817
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.927.362.444)	6.533.427.829

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	12.201.849.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		428.900.000.000	2.098.800.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(428.900.000.000)	(2.304.700.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(87.547.805.600)	(22.556.686.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(87.547.805.600)	(216.254.837.175)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		39.450.747.590	9.512.553.971
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		37.888.304.568	28.375.750.597
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	77.339.052.158	37.888.304.568

Người lập biểu



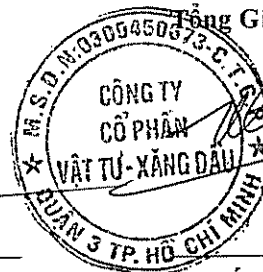
Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng



Phạm Công Quyền

Tổng Giám đốc



Lê Tấn Thương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 17 ngày 27/05/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ôn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc Lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh

138
ĐĂNG
KÝ
VỤ
NH
KIỂM
M
TP.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã trình bày thuyết minh thông tin so sánh trên báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại thuyết minh VII.8 của báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Y
JU HAI
VAN
TOAI
DAN
CT
CHIT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 12 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 – 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 – 10 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 50 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc, tại thời điểm báo cáo, nếu :

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận và theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

30E
C
RÁCH
DỊCH
ÁI C
VÀ
N.
11-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

15. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền mặt	51.918.076	64.769.039
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.612.158.218	33.805.282.049
Tiền đang chuyển	3.674.975.864	4.018.253.480
Cộng	<u>77.339.052.158</u>	<u>37.888.304.568</u>

C.T.
PHAN
VĂN
TOÁN
W
T
HINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh	15.793.410.000		16.481.160.000	(4.793.937.100)
- Tổng giá trị có phiếu	15.793.410.000		16.481.160.000	(4.793.937.100)
+ Công ty CP cá phê Petec	444.000.000	(*)	444.000.000	(*)
+ Công ty CP Bến xe Miền tây (WCS)	87.500.000	(*)	775.250.000	(*)
+ Công ty CP XNK Thú Đức (TMC)	5.775.685.000	3.468.251.200	5.775.685.000	3.044.648.000
+ Công ty CP Cơ Khí Xăng dầu (PMS)	3.989.625.000	2.140.998.200	3.989.625.000	1.928.667.800
+ Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau (CMV)	3.450.000.000	3.918.816.000	3.450.000.000	3.586.310.400
+ Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh (HAX)	46.600.000	90.340.800	46.600.000	44.657.100
+ Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	2.000.000.000	(*)	2.000.000.000	(*)

(*) Tại ngày 01/01/2015 và ngày 31/12/2015, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	31/12/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ % vốn năm giữ	Giá trị vốn góp	Dự phòng	Tỷ lệ % vốn năm giữ
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		24.365.774.000	(10.618.570.155)	24.365.774.000
- Đầu tư vào công ty con		-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		10.000.000.000	-	10.000.000.000
+ Công ty cổ phần Yên tài Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	20,00%	10.000.000.000	-	10.000.000.000
- Đầu tư vào công ty khác		14.365.774.000	(10.618.570.155)	14.365.774.000
+ Công ty CP CK ô tô Cảnh Thờ (*)	9,01%	2.000.000.000	(1.356.215.005)	2.000.000.000
+ Công ty CP Vận Tải Việt Tín (*)	14,93%	10.000.000.000	(8.369.456.889)	10.000.000.000
+ Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec (**)		-	-	272.599.000
+ Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định (**)		272.599.000	(269.900.000)	-
+ Tổng Công ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC		2.093.175.000	(622.998.261)	2.093.175.000

(*) Công ty đã lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn trên dựa trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2014 của các công ty được đầu tư. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của các công ty đầu tư trên.

(**) Trong năm, Có phiếu Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec chuyển đổi sang Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định theo thông báo hoán đổi cổ phiếu tỷ lệ 1 cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định = 1,53 cổ phiếu của Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính VND

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	50.583.115.378	56.950.770.632
Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam	38.878.946.000	43.260.928.000
Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	1.870.348.751	3.420.216.311
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.833.820.627	10.269.626.321
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-

4. Phải thu khác

	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn	602.192.100	2.302.960.364
Phải thu người lao động	435.196.000	2.209.279.149
Phải thu ngắn hạn khác	166.996.100	93.681.215
b) Dài hạn	590.000.000	590.000.000
Tiền đặt cọc thuê mặt bằng	590.000.000	590.000.000

5. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam (*)	38.878.946.000	(38.878.946.000)	43.260.928.000	(30.282.649.600)
Cộng	38.878.946.000	(38.878.946.000)	43.260.928.000	(30.282.649.600)

(*) Theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HĐ-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho mỗi đợt giao hàng. Hợp đồng trên được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL-HDB013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị 50 tỷ đồng nhưng đến ngày 31/12/2015 chưa được HD Bank thanh toán thay như cam kết trong thư bảo lãnh. Hiện tại Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) đang tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi số nợ trên. Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi số nợ trên.

030
 TRÁC
 ĐÍCH
 TÀI C
 VÀ
 N
 T.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	41.728.863.638	-	40.532.663.636	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	434.996.400	-	1.020.046.119	-
Hàng hoá	28.721.865.076	-	28.699.780.660	-
Cộng	70.885.725.114	-	70.252.490.415	-

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	70.885.725.114	70.252.490.415

7. Chi phí trả trước

	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn	651.116.152	992.898.876
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	621.116.152	932.898.876
- Chi phí thuê mặt bằng	30.000.000	60.000.000
b) Dài hạn	973.012.173	1.134.000.000
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	595.012.173	-
- Chi phí thuê mặt bằng	378.000.000	1.134.000.000

13E
ÔNG
HIỆN
VỤ
NH
IÊM
M
P.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	129.423.259.998	14.935.801.111	18.034.703.558	3.617.870.136	166.011.634.803
Số tăng trong năm	5.886.305.412	812.241.032	-	392.618.455	7.091.164.899
- Mua sắm mới	-	812.241.032	-	392.618.455	1.204.859.487
- Xây dựng mới	5.886.305.412	-	-	-	5.886.305.412
Số giảm trong năm	1.046.293.398	761.468.521	-	113.862.000	1.921.623.919
- Thanh lý, nhượng bán	1.046.293.398	761.468.521	-	113.862.000	1.921.623.919
Số dư cuối năm	134.263.272.012	14.986.573.622	18.034.703.558	3.896.626.591	171.181.175.783

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	25.077.142.380	11.634.504.099	14.121.421.172	2.071.042.154	52.904.109.805
Khấu hao trong năm	3.271.359.734	862.786.436	976.658.184	410.766.835	5.521.571.189
Giảm trong năm	419.216.708	643.508.548	-	113.862.000	1.176.587.256
- Thanh lý, nhượng bán	419.216.708	643.508.548	-	113.862.000	1.176.587.256
Số dư cuối năm	27.929.285.406	11.853.781.987	15.098.079.356	2.367.946.989	57.249.093.738

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	104.346.117.618	3.301.297.012	3.913.282.386	1.546.827.982	115.107.524.998
Tại ngày cuối năm	106.333.986.606	3.132.791.635	2.936.624.202	1.528.679.602	113.932.082.045

31/12/2015 01/01/2015

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

21.800.290.212

22.344.305.225

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	86.609.206.751	924.528.583	87.533.735.334
Số tăng trong năm	671.110.000	-	671.110.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	87.280.316.751	924.528.583	88.204.845.334
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	5.455.126.313	95.939.882	5.551.066.195
Khấu hao trong năm	1.582.052.721	115.566.077	1.697.618.798
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	7.037.179.034	211.505.959	7.248.684.993
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	81.154.080.438	828.588.701	81.982.669.139
Tại ngày cuối năm	80.243.137.717	713.022.624	80.956.160.341

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
Dự án Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch - Đồng Nai	61.388.346.930	61.214.714.930
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	794.488.804	752.191.097
Cộng	62.182.835.734	61.966.906.027

11. Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.082.192.445	3.082.192.445	2.369.043.403	2.369.043.403
- Công ty CP Hóa dầu Mê Kông	1.948.858.000	1.948.858.000	1.464.275.000	1.464.275.000
- Công ty TNHH Total Việt Nam	881.968.615	881.968.615	904.768.403	904.768.403
- Phải trả người bán khác	251.365.830	251.365.830	-	-
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính phần VII.1				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
a) Phải nộp	4.449.513.117	76.943.410.983	63.401.513.005	17.991.411.095
Thuế giá trị gia tăng	168.093.920	26.183.955.599	26.340.945.473	11.104.046
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.249.653.549	27.813.551.403	25.463.820.230	5.599.384.722
Thuế thu nhập cá nhân	718.075.061	2.571.454.053	2.226.806.301	1.062.722.813
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	313.690.587	20.374.449.928	9.369.941.001	11.318.199.514
b) Phải thu	-	-	-	-

13. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn	-	1.975.473.623
Doanh thu chưa thực hiện dịch vụ xây lắp	-	1.490.909.091
Doanh thu chưa thực hiện dịch vụ cho thuê văn phòng	-	484.564.532
b) Dài hạn	-	-

14. Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn	8.314.365.591	8.039.790.553
Kinh phí công đoàn	47.107.448	46.846.200
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	642.117.328	1.698.500
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.527.751.647	7.216.966.493
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	4.901.000	4.813.000
Tiền thuê mặt bằng của các cửa hàng	349.571.133	465.223.998
Phải trả khác	742.917.035	304.242.362
b) Dài hạn	1.352.425.005	1.352.425.005
Nhận đặt cọc thuê văn phòng của Ngân hàng TMCP Sacombank	1.352.425.005	1.352.425.005

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu							
Số dư đầu năm trước	141.206.280.000	138.228.344.134	20.372.713.911	43.162.273.807	9.630.302.584	22.424.235.619	375.024.150.055
Tăng từ nguồn tài trợ của ESSO			869.731.238				869.731.238
Lãi trong năm trước						42.018.006.816	42.018.006.816
Phân phối lợi nhuận năm 2013				1.021.229.361	255.307.340	(4.340.224.783)	(3.063.688.082)
Chia cổ tức đợt 2,3 năm 2013, đợt 1 năm 2014						(22.371.153.000)	(22.371.153.000)
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát		(2.744.305.700)				(408.000.000)	(408.000.000)
Giảm khác						(647.000.000)	(3.391.305.700)
Số dư cuối năm trước	141.206.280.000	135.484.038.434	21.242.445.149	44.183.503.168	9.885.609.924	36.675.864.652	388.677.741.327
Số dư đầu năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	21.242.445.149	54.069.113.092		36.675.864.652	388.677.741.327
Lãi trong năm						100.001.194.247	100.001.194.247
Phân phối lợi nhuận năm 2014				6.302.701.023		(10.504.501.705)	(4.201.800.682)
Chia cổ tức đợt 2,3 năm 2014 và đợt 1,2 năm 2015						(87.547.893.600)	(87.547.893.600)
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát						(408.000.000)	(408.000.000)
Trích thường HĐQT Ban điều hành						(400.000.000)	(400.000.000)
Giảm khác						(388.200.000)	(388.200.000)
Số dư cuối năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	21.242.445.149	60.371.814.115	-	37.428.463.594	395.733.041.292

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2015</u>	%	<u>01/01/2015</u>	%
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	55.987.570.000	39,65%	55.987.570.000	39,65%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL)	63.250.160.000	44,79%	63.250.160.000	44,79%
Vốn góp của các cổ đông khác	21.968.550.000	15,56%	21.968.550.000	15,56%
Cộng	<u>141.206.280.000</u>	100%	<u>141.206.280.000</u>	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	141.206.280.000	141.206.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	141.206.280.000	141.206.280.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	87.547.893.600	22.371.153.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.120.628	14.120.628
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.120.628	14.120.628
- Cổ phiếu phổ thông	14.120.628	14.120.628
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.120.628	14.120.628
- Cổ phiếu phổ thông	14.120.628	14.120.628
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	4.183.757.032.964	5.441.124.196.027
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.273.377.465	11.461.184.984
Doanh thu xây dựng cơ bản	2.454.274.670	4.847.956.326
Cộng	4.208.484.685.099	5.457.433.337.337

b) Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
--	---	---

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	2.255.499.997
Cộng	-	2.255.499.997

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	3.902.351.065.740	5.259.909.740.666
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.640.719.707	7.857.012.305
Giá vốn xây dựng cơ bản	2.354.065.136	4.612.572.921
Cộng	3.913.345.850.583	5.272.379.325.892

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	878.896.162	347.531.617
Lãi bán các khoản đầu tư	4.769.650.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.389.512.000	1.116.482.200
Lợi nhuận được chia từ hoạt động liên doanh	-	8.732.193.000
Cộng	7.038.058.162	10.196.206.817

C.T.
HẠN
TỔNG
QUẢN
LÝ
T
CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính VND

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	573.477.778	3.401.775.927
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính	(127.130.152)	1.861.216.915
Cộng	446.347.626	5.262.992.842

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí bán hàng	147.908.844.336	113.606.222.865
Chi phí nhân công	67.248.654.417	54.860.358.808
Chi phí khấu hao	5.086.441.764	4.967.738.824
Các khoản chi phí bán hàng khác	75.573.748.155	53.778.125.233
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	26.448.135.714	22.885.122.006
Chi phí nhân viên quản lý	12.879.802.573	10.717.236.008
Chi phí khấu hao	171.874.848	171.874.848
Dự phòng phải thu khó đòi	8.596.296.400	8.627.185.600
Các khoản chi phí quản lý khác	4.800.161.893	3.368.825.550

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản	37.397.337	-
Thu nhập khác	428.045.917	15.547.089
Cộng	465.443.254	15.547.089

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	24.262.606	38.301.652
Cộng	24.262.606	38.301.652



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	127.814.745.650	51.217.625.989
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.389.512.000)	(9.401.175.200)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.389.512.000	9.401.175.200
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.389.512.000	9.401.175.200
Tổng lợi nhuận tính thuế	126.425.233.650	41.816.450.789
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.813.551.403	9.199.619.173

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.001.194.247	42.018.006.816
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(10.000.119.425)	(4.201.800.682)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	10.000.119.425	4.201.800.682
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	90.001.074.822	37.816.206.134
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.120.628	13.962.480
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.374	2.708

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.840.558.976	12.979.824.611
Chi phí nhân công	85.946.445.413	71.395.583.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.219.189.987	6.404.841.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.635.506.065	36.429.053.429
Chi phí khác bằng tiền	28.125.014.733	22.111.403.283
Cộng	184.766.715.174	149.320.705.922

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	4.434.118.465	3.583.631.461

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	Bên liên quan	Mua xăng dầu	2.520.177.763.646
		Chia cổ tức	34.712.293.400
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL)	Bên liên quan	Mua xăng dầu	1.344.851.500.005
		Chia cổ tức	39.215.099.200

Cho đến ngày 31/12/2015, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, (phải trả) (VND)
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	Bên liên quan	Ứng trước người bán	3.300.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu nên không trình bày báo cáo bộ phận

TRẢ
DI
TÀI
N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO)
549 Điện Biên Phủ – Quận 3 – TP.Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.339.052.158	37.888.304.568	77.339.052.158	37.888.304.568
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.896.361.478	26.761.802.247	12.896.361.478	26.761.802.247
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.384.553.445	15.945.173.293	15.384.553.445	15.945.173.293
Cộng	105.619.967.081	80.595.280.108	105.619.967.081	80.595.280.108
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	12.059.758.265	11.714.412.761	12.059.758.265	11.714.412.761
Cộng	12.059.758.265	11.714.412.761	12.059.758.265	11.714.412.761

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản lớn xấp xỉ với giá trị ghi số do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2015 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị sổ sách.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không có thế chấp tài sản cố định hữu hình và tại thời điểm 31/12/2015 Công ty cũng không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm	10.707.333.260	1.352.425.005	12.059.758.265
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả cho người bán	3.082.192.445	-	3.082.192.445
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	7.625.140.815	1.352.425.005	8.977.565.820
Số đầu năm	10.361.987.756	1.352.425.005	11.714.412.761
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả cho người bán	2.369.043.403	-	2.369.043.403
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	7.992.944.353	1.352.425.005	9.345.369.358

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

TH
AN
VN
AN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính VND

Số liệu đầu năm đã được trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

Nội dung	31/12/2014	01/01/2015	Chênh lệch
		trình bày lại	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Đầu tư ngắn hạn	18.846.934.000	-	(18.846.934.000)
Chứng khoán kinh doanh	-	16.481.160.000	16.481.160.000
Phải thu ngắn hạn khác	93.681.215	2.302.960.364	2.209.279.149
Tài sản ngắn hạn khác	2.209.279.149	-	(2.209.279.149)
Phải thu dài hạn khác	-	590.000.000	590.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.000.000.000	14.365.774.000	2.365.774.000
Tài sản dài hạn khác	590.000.000	-	(590.000.000)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	1.975.473.623	1.975.473.623
Doanh thu chưa thực hiện	1.975.473.623	-	(1.975.473.623)
Quỹ đầu tư phát triển	44.183.503.168	54.069.113.092	9.885.609.924
Quỹ dự phòng tài chính	9.885.609.924	-	(9.885.609.924)
Nội dung	Năm 2014	Năm 2014	Chênh lệch
		trình bày lại	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lãi cơ bản trên cổ phiếu 3.009 2.708 (301)

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hoàng

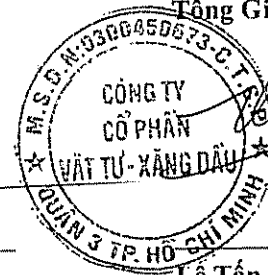
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng



Phạm Công Quyền

Tổng Giám đốc



Lê Tấn Thương

HỆ THỐNG CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO (CỬA HÀNG XĂNG DẦU)

CN XD	ĐỊA ĐIỂM	ĐIỆN THOẠI	TG BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG	HT SH
Số 01	Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, P.1, Q.10, TP.HCM	38 359 704	*	TĐ
Số 03	178/9M Điện Biên Phủ, P.21, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	38 994 332	*	TĐ
Số 04	46 Lê Quang Sung, P.2, Q.6, TP.HCM	39 693 884	*	TĐ
Số 06	710 Hồng Bàng, P.1, Q.11, TP.HCM	39 691 767	*	TĐ
Số 07	49 Trường Chinh, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 490 097	*	TĐ
Số 08	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, TP.HCM	38 550 466	*	TĐ
Số 09	79 Lý Thường Kiệt, P. 8, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 645 289	*	TĐ
Số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	35 114 907	18/04/2003	HT
Số 12	28 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM	38 756 890	*	TĐ
Số 14	450 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 029	*	TĐ
Số 15	526 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 038	*	TĐ
Số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, P.11, Q.3, TP.HCM	39 316 365	*	TĐ
Số 17	70 Bạch Đằng, P.24, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	39 854 761	*	TĐ
Số 18	42 - 44 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM	38 291 339	15/01/2000	HT
Số 20	667A, Quốc lộ 1A, KP 3, P.Linh Xuân, Q. Thủ Đức, TP.HCM	37 240 479	21/08/1993	TĐ
Số 21	12A Quang Trung, P.11, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 968 014	01/09/1999	HT
Số 22	315 Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 873 006	16/08/2001	SH
Số 23	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.HCM	38 474 522	15/10/2002	HT
Số 24	C2 KCN Đức Hoà 1 Hạnh Phúc, Xã Đức Hòa Đông, H. Đức Hòa, Tỉnh Long An	0723 779 913	18/02/2003	TĐ
Số 25	26 Hồ Học Lãm, P.16, Q.8, TP.HCM	37 523 952	10/09/2004	TĐ
Số 26	17/3 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, H.Nhà Bè, TP.HCM	37 828 493	16/03/2004	HT
Số 27	3/40G Dương Công Khi, Ấp Nhị Tân 1, Xã Tân Thới Nhì, H.Hóc Môn, TP.HCM	37 132 961	06/11/2004	SH
Số 29	318 Hương lộ 80, P.Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP.HCM	37 655 868	27/04/2011	SH
Số 30	22 Hương lộ 2, Xã Phước Vĩnh An, H.Củ Chi, TP.HCM	37 905 836	08/06/2004	HT
Số 31	439 Phan Văn Trị, P.5, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 968 014	10/08/2008	HT
Số 32	209 Lý Thường Kiệt, P.7, Q.11, TP.HCM	39 557 925	10/06/2005	HT
Số 33	836 QL 1A, Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, H.Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	0612 660 919	25/06/2010	TĐ
Số 34	1135 Quốc lộ 1A, P.Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM	37 505 046	01/02/2010	HT
Số 35	Km 152, QL 20, KP 1, TT Madagui, H.Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	0633 946 239	12/11/2011	HT
Số 36	164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0753 545 494	07/12/2011	HT
Số 37	Quốc lộ 60, Ấp Tân Long 2, Xã Tân Thành Bình, H.Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre	0753 670 909	07/01/2012	SH
Số 38	Ấp Vĩnh Phước, Xã Phước Lý, H.Cần Giuộc, Tỉnh Long An	0723 892 959	16/09/2011	SH
Số 39	Quốc lộ 1A, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, H.Bến Lức, Tỉnh Long An	0723 644 674	25/04/2012	SH
Số 40	348A Thạch Lam, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM	39 761 217	04/12/2012	HT
Số 41	456A Đại lộ Bình Dương, Khu phố Nguyễn Trãi, P. Lái Thiêu, TX.Thuận An, Tỉnh Bình Dương	0650 363 6691	02/02/2013	HT
Số 42	QL 50, Ấp Kế Mỹ, Xã Trường Bình, H.Cần Giuộc, Tỉnh Long An	0723 875 377	25/4/2013	HT
Số 43	70 Quốc lộ 22, Ấp Chợ, Xã Tân Phú Trung H.Củ Chi, Tp.HCM	37 962 214	26/7/2014	HT

TỔNG CỘNG : 37 CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO.

Ghi chú :

- (*) : 12 CNXD được tiếp quản sau ngày Giải phóng Miền Nam 30/4/1975.

- Cột HTSH : SH : CNXD thuộc sở hữu của COMECO; HT: CNXD theo hình thức HTKD góp vốn hoặc HTKD với tư nhân; TĐ: CNXD theo hình thức thuê đất của Nhà nước.